

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thu Hiền

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH
GREENWORKS (VIỆT NAM)**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thu Hiền

Giảng viên hướng dẫn : Ths. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thu Hiền

Mã SV: 2112402001

Lớp : QT2501K

Ngành : Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua,
người bán tại công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

- 1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**
 - Khái quát những cơ sở lý luận về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)
 - Phản ánh được thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)
 - Đánh giá được những ưu điểm ,nhược điểm của công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam),qua đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện.
- 2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**
 - Sử dụng số liệu năm năm 2023
- 3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**
 - Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Phạm Thị Kim Oanh
Học hàm, học vị : Thạc sĩ
Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng
Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 17 tháng 02 năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 10 tháng 05 năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Nguyễn Thu Hiền

Ths. Phạm Thị Kim Oanh

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Kim Oanh
Đơn vị công tác: Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thu Hiền Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)
Nội dung hướng dẫn: Kế toán công nợ

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài kế toán thanh toán.
- Tích cực nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp góp phần hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Tác giả đã hệ thống hóa được lý luận về công tác kế toán thanh toán theo TT200.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Greenworks.
- Những kiến nghị, đề xuất gắn với thực tiễn giúp hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Kim Oanh

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1:	1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)	1
1.1. Phương thức thanh toán với hình thức thanh toán	1
1.1.1. Phương thức thanh toán	1
1.1.2. Hình thức thanh toán	2
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua	4
1.2.1. Nguyên tắc thanh toán với người mua	4
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người mua	6
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua	8
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán	12
1.3.1. Nguyên tắc thanh toán với người bán	12
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người mua	14
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán	16
1.4. Hình thức kế toán thanh toán với người mua, người bán	20
1.4.1. Đặc điểm kế toán theo hình thức Nhật ký chung	19
1.4.2. Đặc điểm kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái	20
1.4.3. Đặc điểm kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ	21
1.4.4. Đặc điểm kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ	23
1.4.5. Đặc điểm kế toán theo hình thức Kế toán trên máy vi tính	25
CHƯƠNG 2 :	29
PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)	29
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)	29
2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty	29

2.1.2.Đặc điểm kinh doanh	29
2.1.3 . Chức năng và nhiệm vụ.....	30
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).....	30
2.1.5 . Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty	31
2.1.6. Chính sách và chế độ kế toán áp dụng tại Công ty	32
2.1.7. Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại Công ty	33
2.2 . Phân tích thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua,người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).....	34
2.2.1 . Đặc điểm hình thức thanh toán và phương thức thanh toán với người mua,người bán.....	34
2.2.2 . Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).....	35
2.2.3 : Thực trạng trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)	47
CHƯƠNG 3 :.....	64
MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA ,NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM).....	64
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua ,người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).....	64
3.2 . Tính tất yếu của việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua ,người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).....	65
3.3. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua ,người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).....	66
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ đầy đủ	Chữ viết tắt
1	Giấy báo nợ	GBN
2	Giấy báo có	GBC
3	Tiền gửi ngân hàng	TGNH
4	Tài khoản	TK
5	Giá trị gia tăng	GTGT

PHẦN MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, với sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật đã làm cho kế toán ngày càng giữ một vai trò quan trọng đối với sự phát triển của xã hội và sự tồn tại của mỗi doanh nghiệp.

Khi một doanh nghiệp nào bước chân vào lĩnh vực kinh doanh thì mục tiêu quan trọng hàng đầu đối với doanh nghiệp là tìm kiếm lợi nhuận và khả năng trả nợ. Song song điều kiện nền kinh tế thị trường như hiện nay để đạt được mục tiêu lợi nhuận thì các doanh nghiệp phải tìm tòi, xoay sở rất nhiều. Thua lỗ hay có lãi điều đó phụ thuộc rất nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, để tránh những điều không may mắn đó doanh nghiệp phải hiểu chính bản thân mình và nắm được những thông tin chính xác, kịp thời. Một trong những thông tin quan trọng nhất đối với doanh nghiệp đó là thông tin về quan hệ thanh toán. Đặc biệt là thanh toán giữa người mua và người bán.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam), em đã đi sâu vào tìm hiểu, nghiên cứu đề tài :” Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)” làm khóa luận tốt nghiệp của mình. Đề tài kết cấu theo 3 chương.

Chương 1 : Cơ sở lý luận về tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

Chương 2 : Phân tích thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

Chương 3 : Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song thời gian thực tập và kiến thức còn nhiều hạn chế nên em không tránh khỏi những nhận định chủ quan, chưa toàn diện. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp và thông cảm của thầy cô.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

Sinh viên

Nguyễn Thu Hiền

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)

1.1. Phương thức thanh toán với hình thức thanh toán

1.1.1. Phương thức thanh toán

✓ Khái niệm thanh toán: Là sự chuyển giao tài sản của một bên (người hoặc công ty, tổ chức) cho bên kia, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm hoặc dịch vụ trong một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

✓ Phương thức thanh toán: Là cách thức chi trả, thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, các đơn vị, các doanh nghiệp với nhau. Phương thức thanh toán có thể thực hiện bằng tiền mặt, séc, thanh toán qua ngân hàng, thẻ tín dụng,... theo sự thoả thuận của các bên trong giao dịch.

❖ Các phương thức thanh toán tiền mua hàng trong nước

Thông thường có 2 cách thức thanh toán là thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm.

- Phương thức thanh toán trực tiếp: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)....

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thỏa thuận.

❖ Các phương thức thanh toán tiền mua hàng nhập khẩu.

Trong nhập khẩu hàng hóa, người ta thường dùng một trong các phương thức thanh toán quốc tế sau để thanh toán tiền hàng:

- Phương thức chuyển tiền : Phương thức chuyển tiền là phương thức mà trong đó KH yêu cầu ngân hàng của mình chuyển một số tiền nhất định cho một người khác ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do KH.

- Phương thức ghi sổ (Open account): Phương thức ghi sổ là một phương thức thanh toán mà trong đó người bán mở một tài khoản (hoặc một quyển sổ) để ghi nợ người mua sau khi người bán đã hoàn thành giao hàng hay dịch vụ, đến từng định kỳ (tháng, quý, nửa năm) người mua trả tiền cho người bán.

- Phương thức nhờ thu (Collection of payment): Phương thức nhờ thu là một phương thức thanh toán trong đó người bán sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng một dịch vụ cho khách hàng ủy thác cho ngân hàng của mình thu hộ số tiền ở người mua trên cơ sở hối phiếu của người bán lập ra.

Trong phương thức thanh toán nhờ thu bao gồm: nhờ thu phiếu trơn và nhờ thu kèm chứng từ.

- Nhờ thu phiếu trơn (clean collection): Là phương thức trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua căn cứ vào hối phiếu do mình lập ra, còn chứng từ gửi ngân hàng thì gửi thẳng cho người mua không qua ngân hàng.

- Nhờ thu kèm chứng từ (documentary collection) là phương thức trong đó người bán ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua không những căn cứ vào hối phiếu mà còn căn cứ vào bộ chứng từ gửi hàng kèm theo với điều kiện là nếu người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền hối phiếu thì ngân hàng mới trao bộ chứng từ gửi hàng cho người mua để nhận hàng.

- Phương thức tín dụng chứng từ (documentary credit): Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận, trong đó một ngân hàng (ngân hàng mở thư tín dụng) theo yêu cầu của khách hàng (người yêu cầu mở thư tín dụng) sẽ trả một số tiền nhất định cho một người khác (người hưởng lợi số tiền của thư tín dụng) hoặc chấp nhận hối phiếu do người này ký phát trong phạm vi số tiền đó khi người này xuất trình cho ngân hàng một bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng.

1.1.2. Hình thức thanh toán

* Hình thức thanh toán: Là tổng thể các quy định về một cách thức trả tiền, là sự liên kết các yếu tố của quá trình thanh toán. Các hình thức cụ thể: gồm hai loại là thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- *Thanh toán bằng tiền mặt:* bao gồm các loại hình thức thanh toán như: thanh toán bằng tiền Việt Nam, bằng ngoại tệ, hối phiếu ngân hàng và các loại giấy tờ có giá trị như tiền... Đây là các hình thức thanh toán trực tiếp giữa hai bên. Khi nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ,... thì bên mua xuất tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán này trên thực tế chỉ phù hợp với các giao dịch nhỏ và đơn giản, bởi vì các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở nên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng để thanh toán cho công nhân viên, với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ.

- *Thanh toán không bằng tiền mặt:* là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách chuyển khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức bao gồm: Thanh toán bằng Séc, thanh toán bằng ủy nhiệm thu, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, thanh toán bằng thư tín dụng – L/C.

- *Thanh toán bằng Séc:* Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị có tên trên Séc. Đơn vị phát hành Séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng Séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Séc tiền mặt và Séc định mức.

- *Thanh toán bằng ủy nhiệm thu:* Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

- *Thanh toán bằng ủy nhiệm chi:* Ủy nhiệm chi là giấy tờ ủy nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số khoản thanh toán khác,...

- *Thanh toán bù trừ:* Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau. Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi

trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ. Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thỏa thuận rồi lập thành một văn bản để làm căn cứ theo dõi.

- *Thanh toán bằng tín dụng – L/C*: theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

- *Thanh toán bằng thẻ tín dụng*: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

(Nguồn: Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp)

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc thanh toán với người mua.

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Thông tư 200/2014/TT-BTC khi hạch toán tài khoản 131 (tài khoản phải thu của khách hàng) cần tuân thủ những nguyên tắc sau:

– Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về:

+ Tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ,

+ Các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

+ Phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu xây dựng cơ bản với người giao thầu về khối lượng công tác thi công cơ bản đã hoàn thành.

+ Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.

– Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

– Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản 131 đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

– Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

– Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư đã giao, dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.

– Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

+ Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ TK 131), kế toán quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ tài khoản 131 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước;

+ Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có TK 131) kế toán quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có tài khoản 131 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước;

+ Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách

hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Khi doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

(Nguồn :TT 200/ 2014/TT-BTC)

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người mua

1.2.2.1. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn thương mại ,Phiếu đóng gói
- Phiếu xuất kho,Tờ khai hải quan
- Tờ khai hải quan
- Chứng từ thu tiền.....
- Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 131
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- Sổ tổng hợp TK 131

1.2.2.2 . Tài khoản sử dụng

- TK 131 : Phải thu của khách hàng

Kết cấu của TK131: Phải thu của khách hàng

Bên nợ	Bên có
+ Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kỳ khi bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, dịch vụ, các khoản đầu tư tài chính. + Số tiền thừa trả lại cho khách hàng. + Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). + Số phí BHTG phải thu phát sinh trong kỳ của các tổ chức tham gia BHTG; + Số phí BHTG và số tiền phạt đã được xử lý xóa nợ cho tổ chức tham gia BHTG khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	+ Số tiền khách hàng đã trả nợ. + Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng. + Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại + Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại (có thuế GTGT hoặc không có thuế GTGT) + Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua. + Đánh giá lại các khoản phải thu bằng ngoại tệ (khi tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam). + Số phí BHTG và số tiền phạt đã thu của tổ chức tham gia BHTG; + Số phí BHTG và số tiền phạt đã được xử lý xóa nợ cho tổ chức tham gia BHTG khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
Số dư bên nợ + Số tiền còn phải thu của khách hàng. + Số phí BHTG và số tiền phạt còn phải thu của tổ chức tham gia BHTG.	Số dư bên có (nếu có) Số dư bên Có phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể

(Nguồn: TT 200/ 2014/TT-BTC)

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

1. Khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền

a) Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (bao gồm cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp). Ghi nhận như sau:

- Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng
- Có TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

b) Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ, kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu như sau:

- Nợ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

2. Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại

Khi hàng bán bị trả lại, kế toán thực hiện ghi nhận chi tiết như sau:

- Nợ TK 5213 – Hàng bán bị trả lại
- Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- Có TK 131 – Phải thu của khách hàng

3. Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

Khi số tiền chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán đã được ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu và giảm giá (doanh thu thuần), không cần phải phản ánh riêng biệt số chiết khấu hay giảm giá.

- Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5212)
- Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- Có TK 131 – Phải thu của khách

4. Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do họ thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định sẽ được trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng. Bút toán kế toán ghi nhận như sau:

- Nợ TK 111 – Tiền mặt
- Nợ TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng
- Nợ TK 635 – Chi phí tài chính
- Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

5. Nhận được tiền do khách hàng trả

Khi nhận được tiền từ khách hàng (bao gồm cả tiền lãi từ số nợ, nếu có) hoặc nhận tiền ứng trước theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, kế toán ghi nhận như sau:

- Nợ các TK 111, 112, ...
- Có TK 131 – Phải thu của khách hàng
- Có TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trong trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ, bên Có TK 131 sẽ ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch).

6. Trường hợp khách hàng thanh toán bằng hàng

Khi khách hàng thanh toán bằng hàng hóa thay vì tiền (theo phương thức hàng đổi hàng), kế toán sẽ căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hóa nhận được theo giá trị hợp lý được ghi trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng của khách hàng. Sau đó, trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi nhận như sau:

- Nợ TK 152, 153, 156, 611
- Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)
- Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

7. Kế toán phải thu từ nghiệp vụ nhượng bán, thanh lý TSCĐ:

- **Phản ánh số thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ:**
 - Nợ TK 131 (1318) (tổng giá thanh toán)
 - Có TK 711 – Thu nhập khác (theo giá bán không có thuế)
 - Có TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (3331, 3334).

- **Ghi giảm TSCĐ do thanh lý, nhượng bán:**
 - Nợ TK 214 – Hao mòn TSCĐ (giá trị hao mòn)
 - Nợ TK 811 – Chi phí khác (giá trị còn lại)
 - Có TK 211 – TSCĐ hữu hình (nguyên giá)
 - Có TK 213 – TSCĐ vô hình (nguyên giá).
- **Khi nộp thuế GTGT và thuế TNDN từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ:**
 - Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
 - Có các TK 111, 112.

8. Số dư nợ phải thu của khách hàng là ngoại tệ

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Khi tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

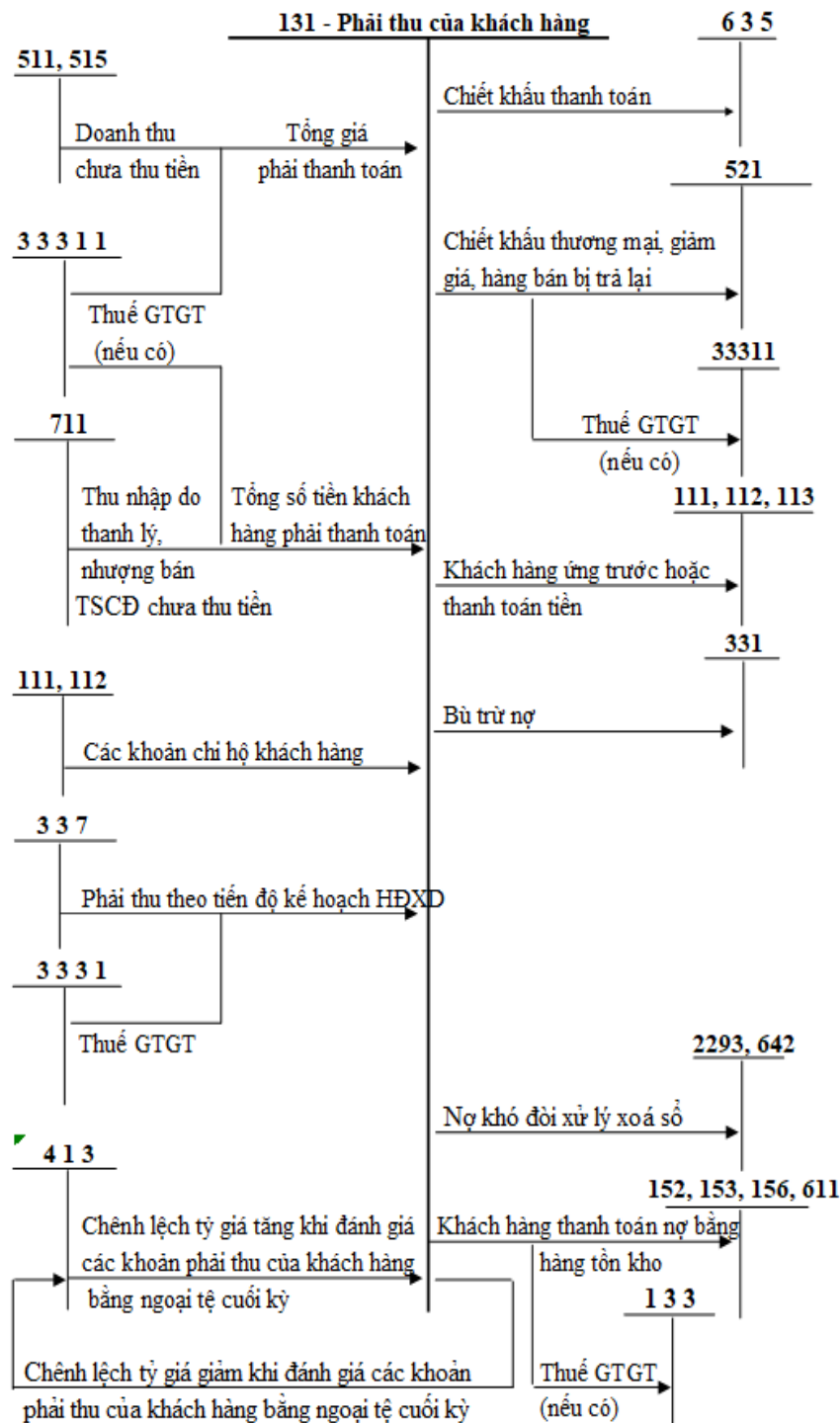
- Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng
- Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

Khi tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam, ghi:

- Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)
- Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ của TK 131 theo TT 200/2014/TT-B

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tác thanh toán với người bán

a) Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ và phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán tiền chi trả BH cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia BHTG lâm vào tình trạng phá sản hoặc mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định của pháp luật về BHTG. Tài khoản này sử dụng cả ở Trụ sở chính và các Chi nhánh. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua trả tiền ngay.

b) Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao. Tiền chi trả BH được ghi nhận nợ phải trả và ghi giảm quỹ dự phòng nghiệp vụ khi có quyết định chi trả tiền BH của Trụ sở chính theo quy định của pháp luật.

c) Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải trả bằng ngoại tệ thì thực hiện theo nguyên tắc:

- Khi phát sinh các khoản nợ phải trả cho người bán (bên có tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Riêng trường hợp ứng trước cho nhà thầu hoặc người bán, khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì bên Có tài khoản 331 áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã ứng trước.

- Khi thanh toán nợ phải trả cho người bán (bên Nợ tài khoản 331) bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng chủ nợ (Trường hợp chủ nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động các

giao dịch của chủ nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên Nợ tài khoản 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch) tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả cho người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các đơn vị trong tập đoàn được áp dụng chung một tỷ giá do Công ty mẹ quy định (phải đảm bảo sát với tỷ giá giao dịch thực tế) để đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn.

- Trường hợp tiền chi trả BH không có người nhận, khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, đơn vị phải ghi tăng quỹ dự phòng nghiệp vụ và ghi giảm nợ phải trả người gửi tiền.

d) Bên giao nhập khẩu ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhận nhập khẩu ủy thác như khoản phải trả người bán thông thường. Ngoài ra, đơn vị phải hạch toán vào các tài khoản có liên quan tùy theo hình thức chi trả tiền BH, như: Trú sở chính hoặc Chi nhánh trực tiếp chi trả hoặc ủy quyền qua tổ chức khác chi trả.

đ) Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

e) Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng trong thanh toán với người mua

1.3.2.1 . Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Đơn xin thanh toán
- Hóa đơn thương mại(Giấy báo có ,Đơn đặt hàng)
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK331
- Sổ chi tiết TK331 của từng khách hàng
- Sổ tổng hợp TK331

1.3.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 331.Phải trả cho người bán

Kết cấu của TK331. Phải trả cho người bán

Bên Nợ	Bên Có
-Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp; -Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao; -Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng; -Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán; -Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. -Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam). -Số tiền BH đã chi trả cho người gửi tiền; -Xử lý số tiền BH không có người nhận theo quyết định của cấp có thẩm quyền.	-Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp; -Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức; -Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam). -Số tiền chi trả BH phải trả cho người gửi tiền khi tổ chức tham gia BHTG lâm vào tình trạng phá sản hoặc mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.
Số dư bên nợ (nếu có) -Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.	Số dư bên có -Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

1. Hạch toán phải trả cho người bán khi mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ chưa thanh toán

1.1. Trường hợp trong nội địa

➤ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

- Nợ TK 152, 153, 156, 157, 211, 213/611 (giá mua chưa có thuế GTGT);
- Nợ TK 133 (thuế GTGT);
- Có TK 331 (tổng giá trị thanh toán đã bao gồm thuế GTGT).

➤ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ:

- Nợ TK 152, 153, 156, 157, 211, 213/611 (tổng giá trị thanh toán đã bao gồm thuế GTGT);
- Có TK 331 (tổng giá trị thanh toán đã bao gồm thuế GTGT).

1.2. Trường hợp khi nhập khẩu

➤ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

- Nợ TK 152, 153, 156, 157, 211, 213/611;
- Có TK 331 (giá mua không bao gồm thuế);
- Có TK 3332; 3333; 33381 (nếu có)
- Nợ TK 133 (thuế GTGT được khấu trừ hàng nhập khẩu);
- Có TK 33312 (thuế GTGT được khấu trừ hàng nhập khẩu).

➤ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ:

- Nợ TK 152, 153, 156, 157, 211, 213/611;
- Có TK 33312 (thuế GTGT được khấu trừ hàng nhập khẩu);
- Có TK 331 (giá mua không bao gồm thuế);
- Có TK 3332; 3333; 33381 (nếu có)

2. Hạch toán phải trả người bán khi ứng trước hoặc thanh toán tiền

2.1. Ứng trước hoặc thanh toán bằng Việt Nam đồng

- Nợ TK 331 (khoản ứng trước/ thanh toán);
- Có TK 1111, 1121, 341...

2.2. Ứng trước hoặc thanh toán bằng ngoại tệ

➤ Thanh toán tiền khi có khoản ứng trước:

>> Ứng trước:

- Nợ TK 331 (tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá bán của ngân hàng nơi thường xuyên có giao dịch tại thời điểm ứng trước);
- Nợ TK 635 (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền);
- Có TK 1112, 1122 tỷ giá ghi sổ;
- Có TK 515 (nếu tỷ giá giao dịch thực tế lớn hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

>> Khi thanh toán: TK 331 phần còn lại sẽ được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

➤ Thanh toán tiền khi không có khoản ứng trước:

- Nợ TK 331 tỷ giá ghi sổ;
- Nợ TK 635 (tỷ giá ghi sổ kế toán TK 331 thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền);
- Có TK 1112, 1122 tỷ giá ghi sổ;
- Có TK 515 (tỷ giá ghi sổ kế toán TK 331 lớn hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

3. Hạch toán phải trả người bán khi mua dịch vụ

- Nợ TK 1562 (tổng giá trị thanh toán);
- Nợ TK 241 (tổng giá trị thanh toán);
- Nợ TK 242 (tổng giá trị thanh toán);
- Nợ TK 623, 627, 641, 642, 635, 811 (tổng giá trị thanh toán);
- Có TK 331 (tổng giá trị thanh toán đã bao gồm thuế GTGT).

4. Hạch toán phải trả người bán khi hưởng chiết khấu thanh toán

- Nợ TK 331 (tiền chiết khấu thanh toán được hưởng và tính trừ vào công nợ);
- Có TK 515.

5. Hạch toán phải trả người bán khi hưởng chiết khấu thương mại, giảm giá và trả lại hàng mua

- Nợ TK 331 (tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, trả lại hàng mua);
- Có TK 133 (nếu có);
- Có TK 152, 153, 156, 611...

6. Hạch toán phải trả người bán khi đánh giá lại số dư nợ phải trả là ngoại tệ

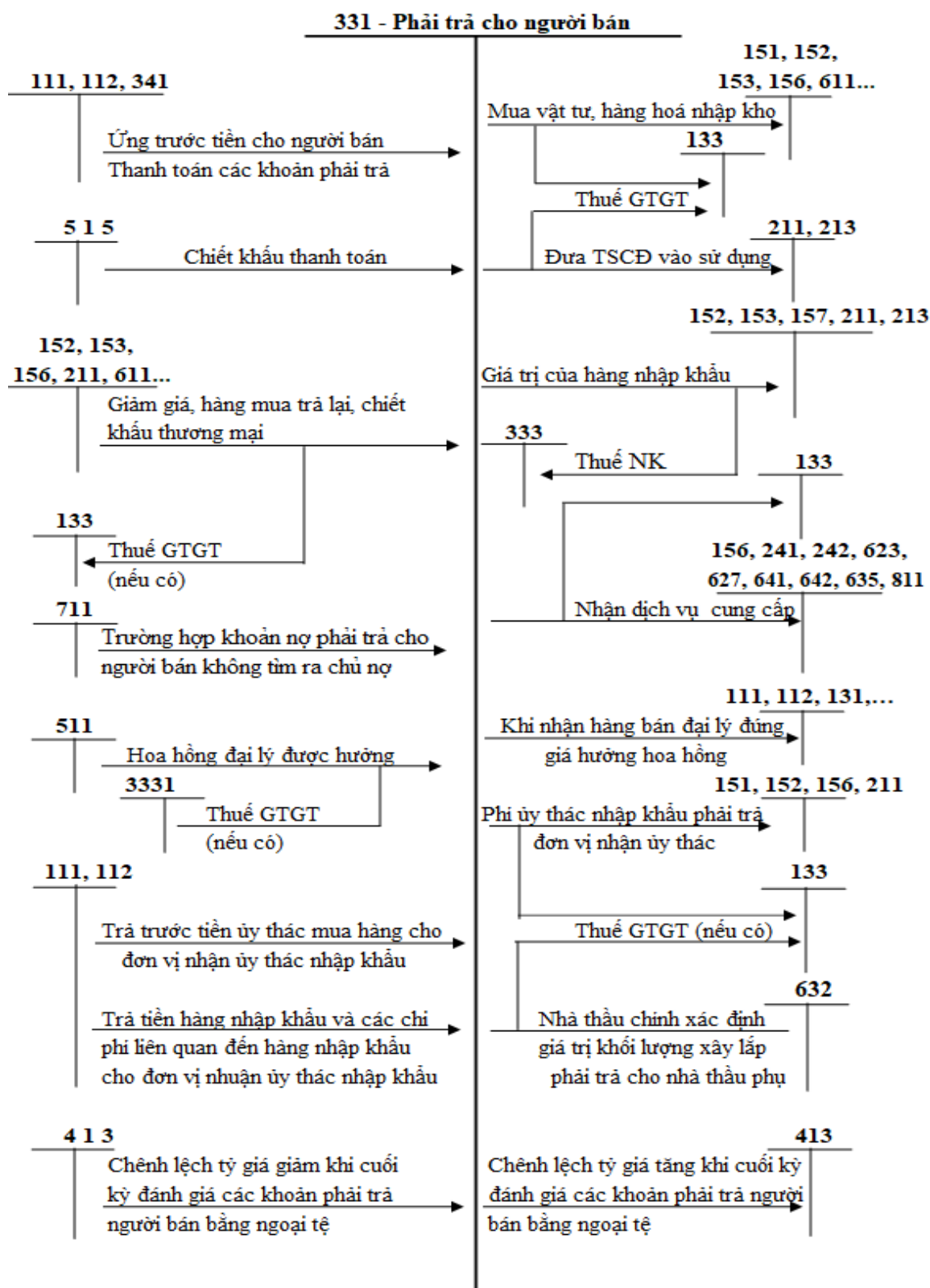
➤ Tỷ giá ngoại tệ giảm:

- Nợ TK 331 (tỷ giá ghi sổ kế toán tại thời điểm đánh giá lớn hơn tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm đánh giá);
- Có TK 413.

➤ Tỷ giá ngoại tệ tăng:

- Nợ TK 413;
- Có TK 331 (tỷ giá ghi sổ kế toán tại thời điểm đánh giá thấp hơn tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm đánh giá).

KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN



Sơ đồ 1.2 : Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo

TT 200/ 2014/TT-BTC

1.4 . Hình thức kế toán thanh toán với người mua,người bán

***Khái niệm**

Hình thức kế toán là hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép, hệ thống hoá và tổng hợp số liệu từ chứng từ gốc theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định nhằm phản ánh các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

***Các hình thức kế toán**

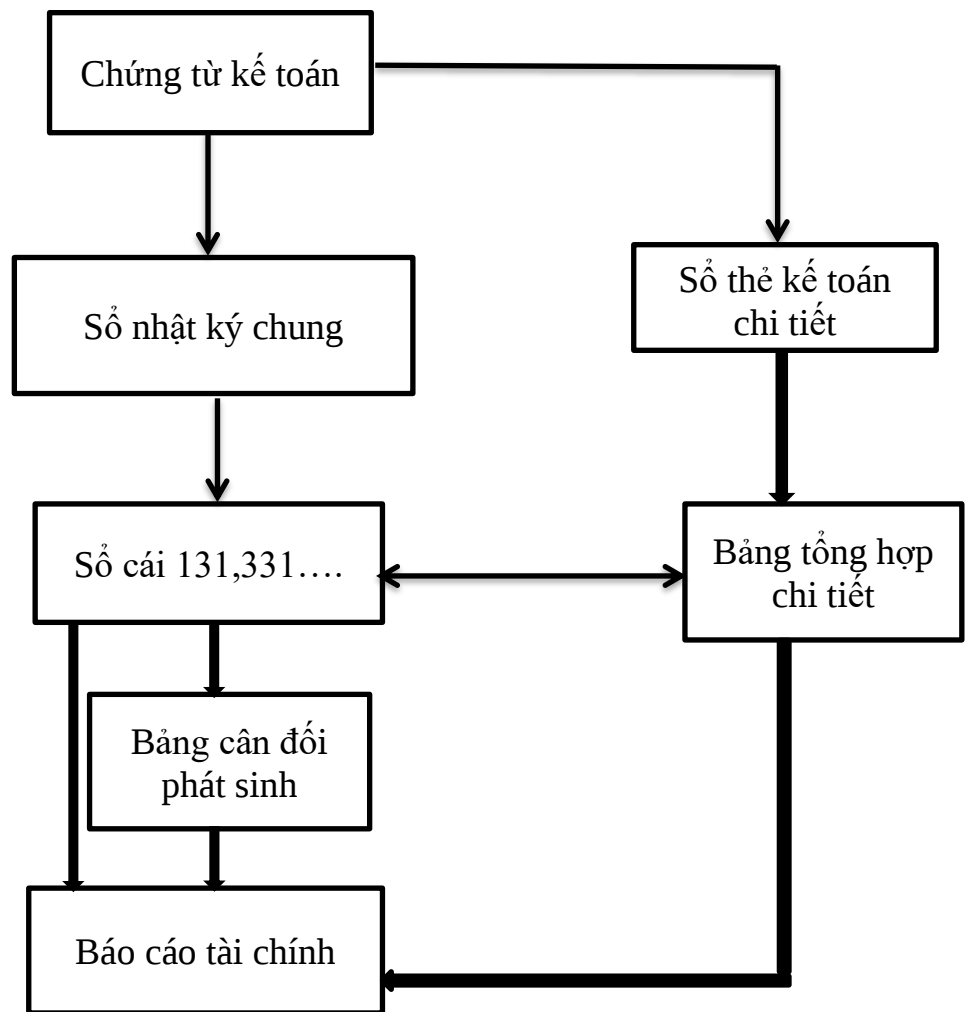
- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.4.1. Đặc điểm kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung theo thời gian phát sinh của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Các loại sổ sách chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung;
- Sổ cái;
- Sổ chi tiết.

Sơ đồ 1.3 :Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



***Ghi chú**

- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu kiểm tra
- Ghi cuối kỳ

- Căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó dựa vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ kế toán có liên quan.

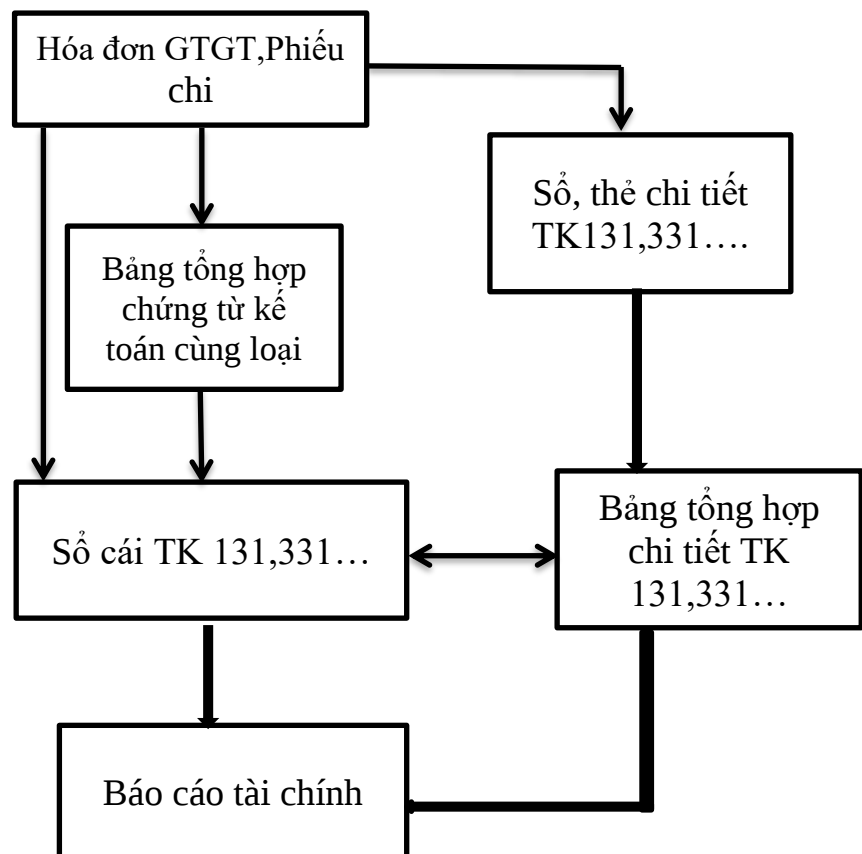
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm: Cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp với số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

1.4.2 :Đặc điểm kế toán theo hình thức Nhật ký –Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ ghi vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ sách chủ yếu:

- Nhật ký – Sổ cái;
- Các sổ, thẻ chi tiết;



Sơ đồ 1.4 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký –Sổ Cái

*Ghi chú

- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu kiểm tra
- Ghi cuối kỳ

*Hàng ngày :

-Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định

tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi sổ trên một dòng của cả hai phần Nhật ký và phần sổ cái.

- Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

- Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký – Sổ cái, được dùng để ghi sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

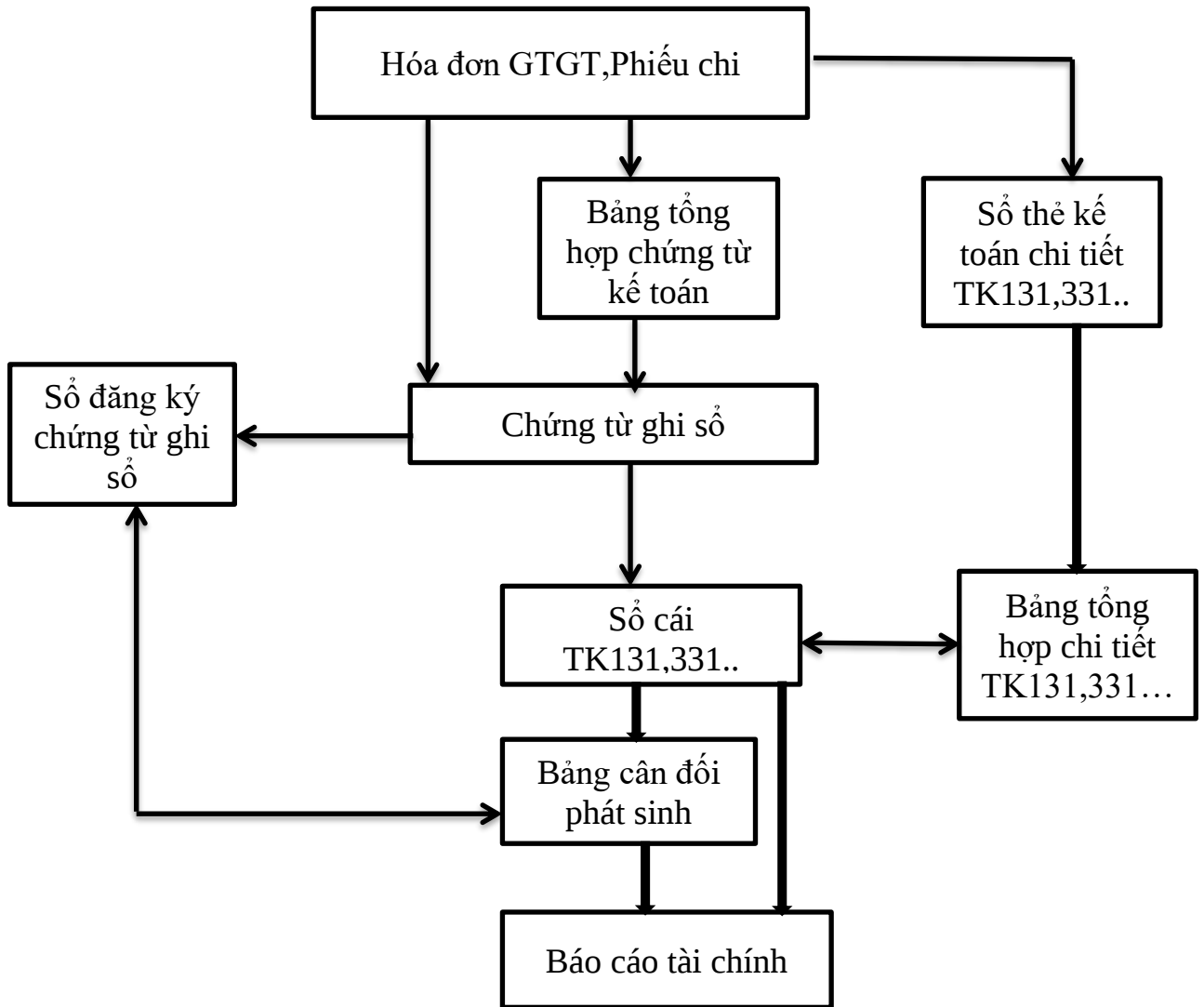
*Hàng tháng:

-Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột nợ, cột có trong từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng khoản trên Nhật ký – Sổ cái.

1.4.3 :Đặc điểm kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.
- Sổ kế toán:
 - + Chứng từ ghi sổ;
 - + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
 - + Sổ cái;
 - + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



Sơ đồ 1.5 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

***Ghi chú**

- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu kiểm tra
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.4.4 : Đặc điểm kế toán theo hình thức Nhật ký –Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

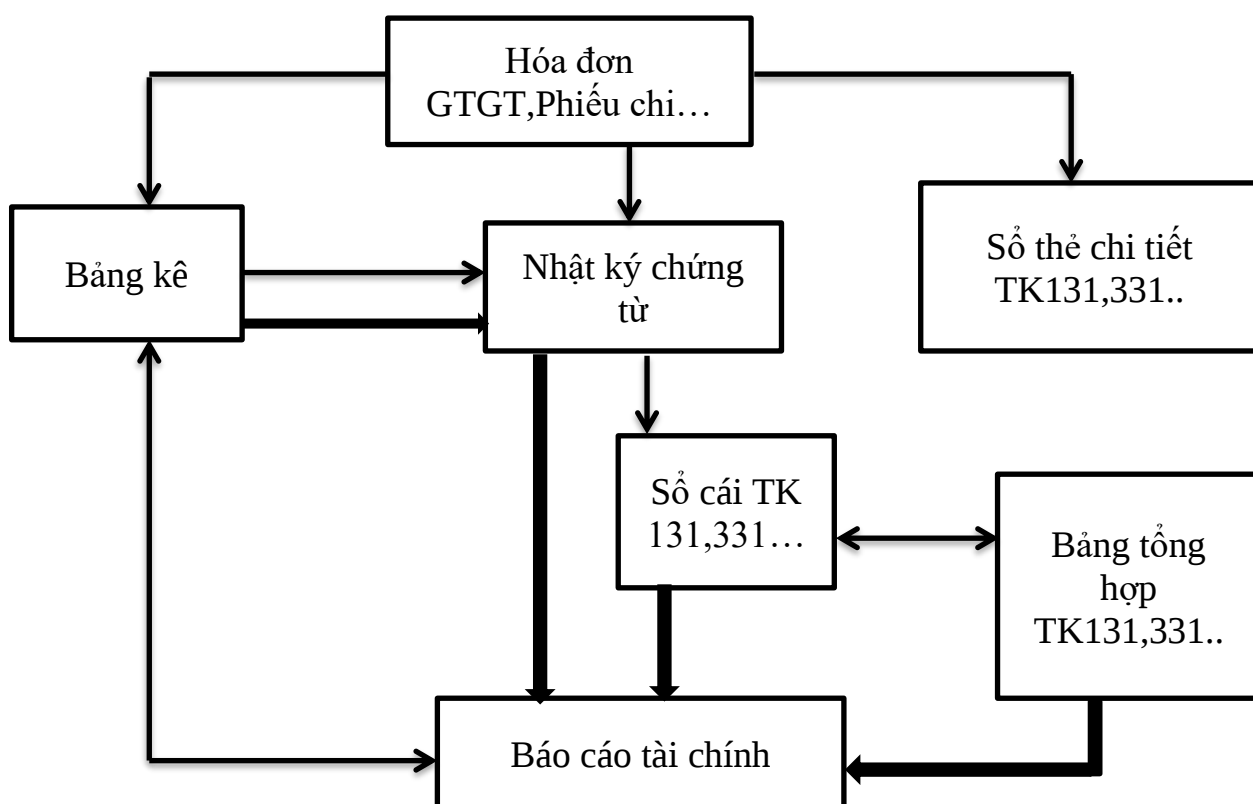
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chi tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 1.6 : Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

***Ghi chú**

- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu kiểm tra
- Ghi cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của hàng phân bổ ghi vào Bảng thống kê và Nhật ký – Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký – Chứng từ được ghi vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – Chứng từ.

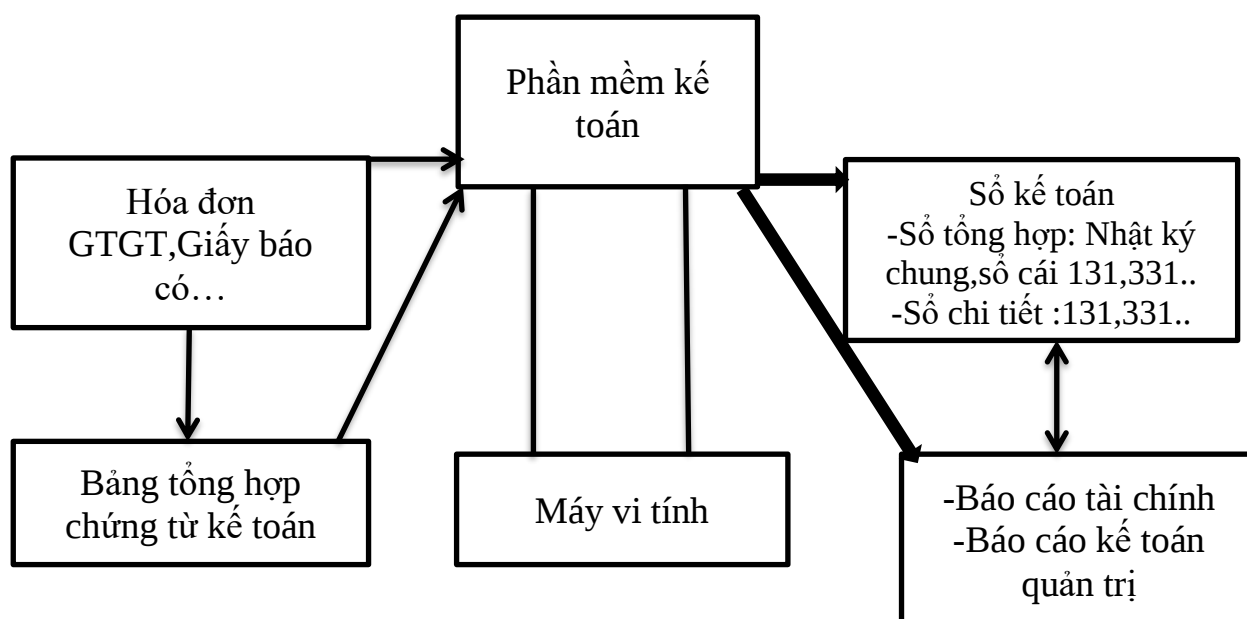
Cuối tháng khóa sổ: Cộng số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi vào trực tiếp vào các sổ, thẻ liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp

chi tiết theo từng tài khoản đối chiếu với sổ cái. Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số sổ chi tiêu chi tiết trong Nhật ký – Chứng từ. Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

1.4.5 : Đặc điểm kế toán theo hình thức Kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy định ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

*Ghi chú

- Nhập số liệu hàng ngày: $\longrightarrow$
- In số báo cáo cuối tháng, cuối năm: $\longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài

khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vài máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy .

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2 :

PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA ,NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)

2.1 . Tổng quan về Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

2.1.1. Giới thiệu chung về Công ty

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREENWORKS (VIET NAM)

COMPANY LIMITED.

- Tên viết tắt: GWVN
- Mã số thuế: 0201920293
- Địa chỉ trụ sở chính: Nhà xưởng P-1.1, P-1.2 Lô P-1, Nhà xưởng P-2.1 Lô P-2, Nhà xưởng P-5, P-8 Lô P, Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Xã An Hoà, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Giám đốc: QU, HAICHAO
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh thương mại và sản xuất các sản phẩm làm vườn .
- Ngày thành lập: 26/12/2018

2.1.2.Đặc điểm kinh doanh

- Greenworks là công ty hàng đầu trong lĩnh vực dụng cụ điện ngoài trời chạy bằng pin dành cho người tiêu dùng cá nhân và các chuyên gia làm vườn. Công ty phân phối các sản phẩm nhãn hiệu Greenworks, cũng như các sản phẩm cho một mạng lưới rộng lớn các Nhà sản xuất phụ tùng gốc(OEM). Với các sản phẩm mạnh mẽ mang thương hiệu Greenworks bao gồm các dụng cụ điện ngoài trời chạy pin không dây, các thiết bị có dây và máy cắt cuộn 24V, 40V, 60V, 80V,82V. Greenworks cung cấp công cụ phù hợp cho mọi công việc.

-Sử dụng công nghệ tiên tiến nhất, các công cụ của Greenworks có hiệu suất tương đương với các công cụ chạy bằng khí đốt mà không thải ra khói độc hại, giảm độ rung và tiếng ồn.

2.1.3 . Chức năng và nhiệm vụ

* Chức năng : Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) là công ty sản xuất các thiết bị làm vườn chạy bằng pin.

* Nhiệm vụ :

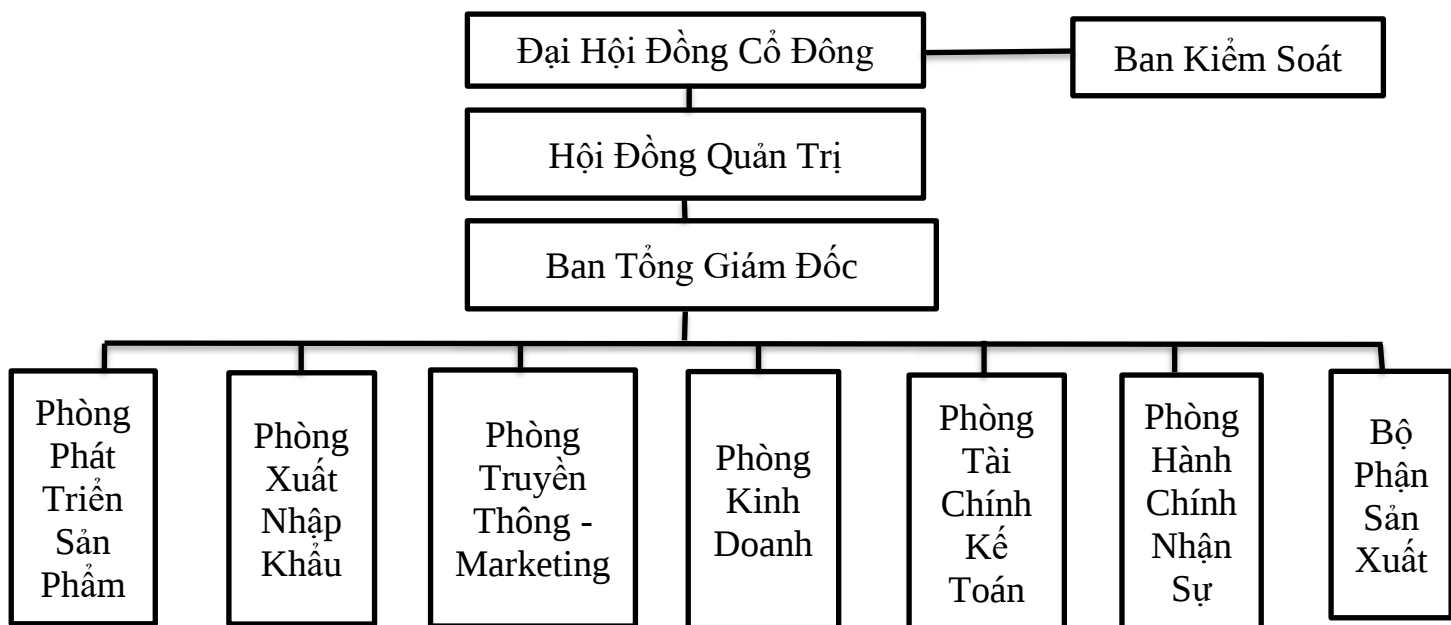
- Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, tăng cường công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm cũng như thương hiệu của công ty

- Sắp xếp bộ máy tổ chức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên; xây dựng chuẩn mực văn hóa công ty cũng như các cơ chế chính sách khuyến khích động viên và chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất cho người lao động làm việc

- Nắm bắt nhu cầu thị trường, khả năng kinh doanh của doanh nghiệp để tổ chức các phương án SXKD có hiệu quả, bình ổn giá sản phẩm, tổ chức tiêu thụ hàng hóa với nhiều hình thức phù hợp với nhu cầu của khách hàng

- Tiếp tục hợp tác, liên kết với cổ đông chiến lược, đối tác trong và ngoài nước trong mọi lĩnh vực: Nghiên cứu – sản xuất – kinh doanh – xuất nhập khẩu và phân phối; phát triển thị trường trong và ngoài nước; xây dựng và củng cố thương hiệu doanh nghiệp.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

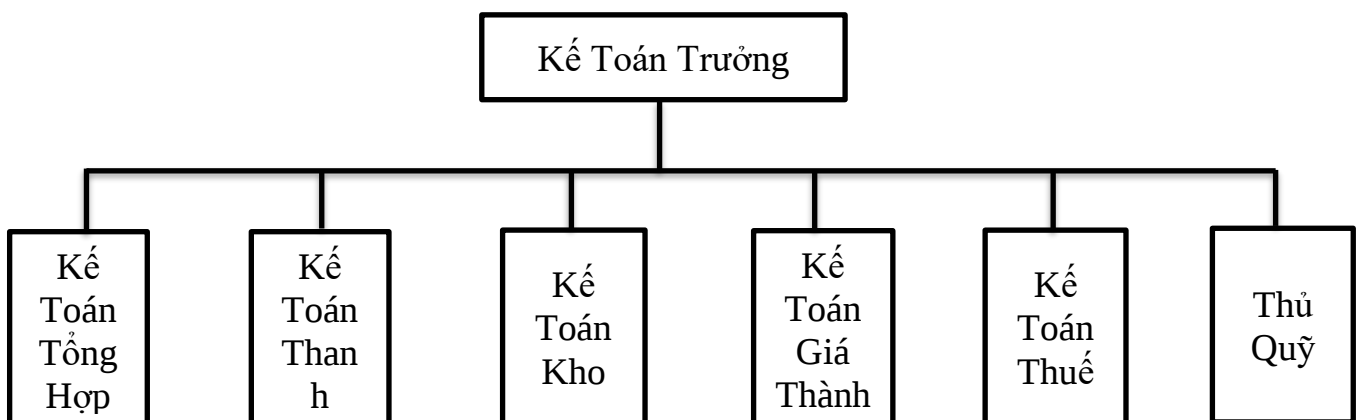


Sơ đồ 2.1 :Sơ đồ tổ chức bộ máy của công ty

Chức năng của từng phòng ban

- + Ban Giám đốc: Chịu trách nhiệm điều hành tổng thể hoạt động của công ty.
- + Phòng Hành chính - Nhân sự: Quản lý các vấn đề liên quan đến nhân sự và hành chính.
- + Phòng Kế toán - Tài chính: Đảm nhiệm các công việc kế toán và quản lý tài chính.
- + Phòng Kinh doanh - Xuất khẩu: Phụ trách hoạt động kinh doanh và xuất khẩu sản phẩm.
- + Phòng Kỹ thuật - R&D: Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.
- + Phòng Sản xuất: Quản lý quy trình sản xuất tại nhà máy.
- + Phòng Kiểm soát chất lượng (QC): Đảm bảo chất lượng sản phẩm trước khi xuất xưởng.

2.1.5 . Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty



❖ Chức năng của các bộ phận

- + Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm điều hành tổng thể hoạt động kế toán và tài chính của công ty.
- + Kế toán tổng hợp: Tổng hợp và lập báo cáo tài chính, quản lý số liệu kế toán chung.
- + Kế toán thanh toán: Quản lý các khoản thu chi, thanh toán với khách hàng và nhà cung cấp.
- + Kế toán kho: Theo dõi và quản lý hàng tồn kho, kiểm kê vật tư, hàng hóa.
- + Kế toán giá thành: Tính toán và phân tích giá thành sản phẩm, hỗ trợ định giá bán.

+ Kế toán thuế: Thực hiện kê khai và quyết toán thuế, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về thuế.

+ Thủ quỹ: Quản lý quỹ tiền mặt, thực hiện thu chi theo quy định.

2.1.6. Chính sách và chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014 TT BTC ban hành ngày 22/12/2014.

- Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của bộ tài chính về việc lập báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính).

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2023 kết thúc ngày 31/12/2023

- Đơn vị tiền tệ sử dụng : Việt Nam Đồng (VNĐ) , Đô la Mỹ (USD).

- Tính giá xuất kho: hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp nhập trước xuất trước.

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp khấu hao: theo đường thẳng

- Phương pháp tính thuế : Công ty TNHH Greenworks Việt Nam được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng (GTGT) 0% do xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài để được áp dụng mức thuế 0% công ty phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC. Thuế suất 0% được áp dụng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

* Để được áp dụng thuế suất 0%, doanh nghiệp cần đáp ứng các điều kiện sau:

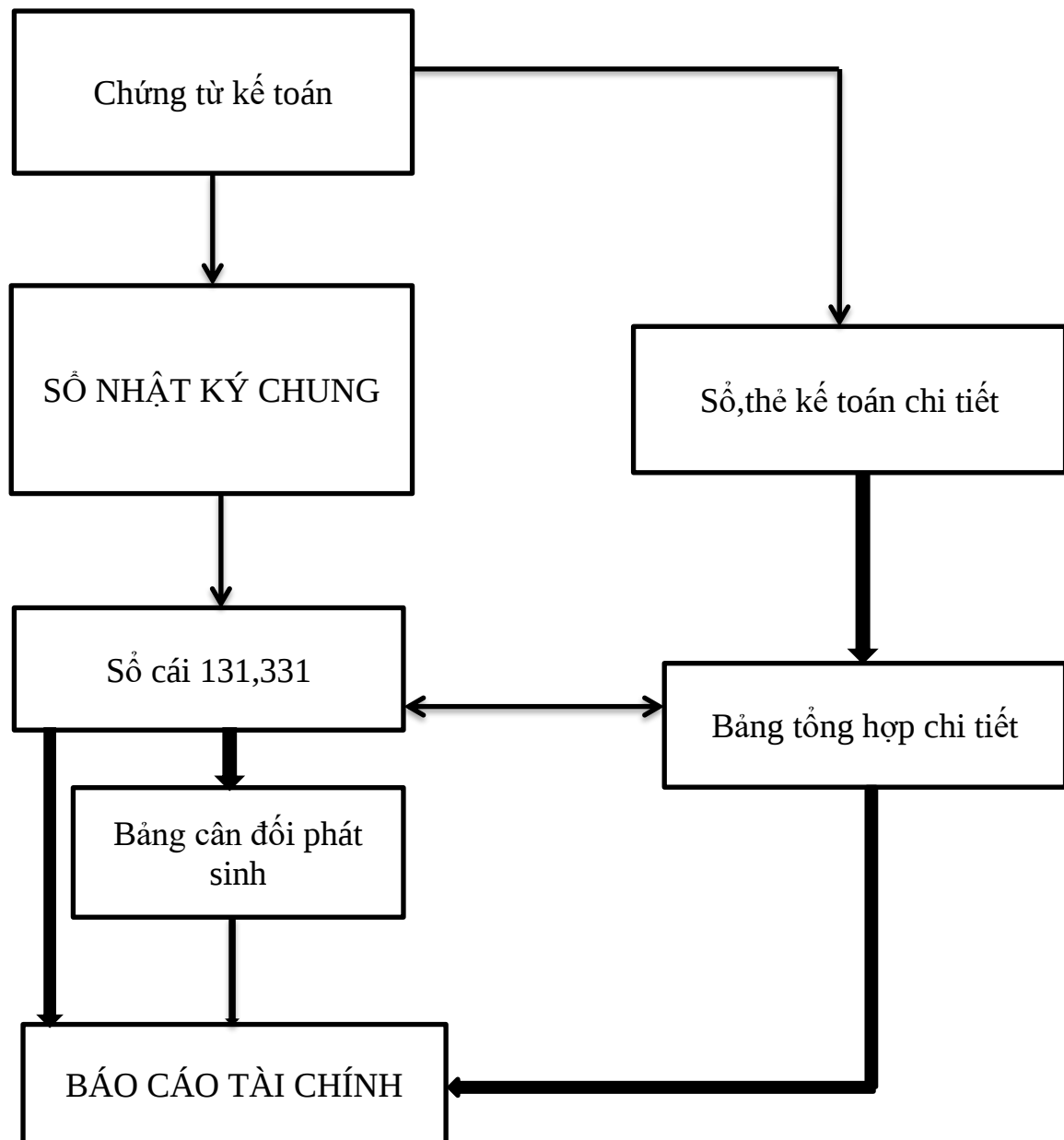
- Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu hoặc cung ứng dịch vụ cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

- Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định.

- Có tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

2.1.7. Hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung .



Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty

*Ghi chú

- Ghi hàng ngày hoặc định kỳ
- ↔ Quan hệ đối chiếu kiểm tra
- Ghi cuối kỳ

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2 . Phân tích thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

2.2.1 . Đặc điểm hình thức thanh toán và phương thức thanh toán với người mua, người bán

- Quan hệ thanh toán được hiểu là một quan hệ kinh doanh xảy ra khi doanh nghiệp có quan hệ mua bán và có sự trao đổi về một khoản vay nợ tiền vốn cho kinh doanh.

- Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) áp dụng phương thức thanh toán trực tiếp và trả chậm.

+ Phương thức thanh toán trực tiếp : sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản,...

+ Phương thức thanh toán trả chậm : Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

+ Đối với người mua: Với những khách hàng là cá nhân mua hàng với số lượng ít và không phải là khách hàng thường xuyên của công ty, công ty sẽ áp dụng phương thức thanh toán ngay với khách hàng thường xuyên, mua hàng với số lượng lớn công ty có thể áp dụng phương thức chậm trả.

+ Đối với người bán: Công ty thanh toán ngay cho những nhà cung cấp nhỏ, lẻ, còn với nhà cung cấp lâu năm, cung cấp số lượng hàng nhiều công ty có thể trả ngay hoặc chậm trả tùy từng trường hợp cụ thể.

- Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) áp dụng 2 hình thức thanh toán chuyển khoản và bằng tiền mặt.

+ Các khoản thanh toán với người mua: Doanh nghiệp có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc TGNH do thỏa thuận giữa hai bên.

+ Các khoản thanh toán cho người bán có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên doanh nghiệp buộc phải chuyển khoản, dưới 20.000.000 đồng doanh nghiệp có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt theo thỏa thuận.

2.2.2 . Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

* Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn thương mại ,Phiếu đóng gói
- Tờ khai xuất khẩu
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ thu tiền

* Tài khoản sử dụng

- TK 131: tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa,... công ty còn sử dụng các tài khoản:

- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: TGNH
- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp

* Ví dụ minh họa

- Ví dụ 1: Ngày 14/12/2023 ,Công ty xuất khẩu cho Công ty TNHH thương mại Hongkong Sun Rise (HONGKONG SUN RISE TRADING LIMITED) máy cắt cỏ 500 cái ,hóa đơn GTGT số 2007 . Chưa thu tiền .

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131 : 3.428.033.560 (142.520)

Có TK 511 : 3.428.033.560 (142.520)

+Từ các chứng từ HĐ GTGT số 2007 ngày 14/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131 .Căn cứ số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 131 ,TK 511, ...

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng

greenworks		HÓA ĐƠN BÁN HÀNG Bản thể hiện của hóa đơn điện tử Ngày (date) 14 tháng (month) 12 năm (year) 2023		Ký hiệu: 2C23TBB Số: 2007	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM) Mã số thuế: 0201920293 Địa chỉ: Nhà xưởng P-1.1, P -1.2 Lô P-1, Nhà xưởng P-2.1 Lô P-2, Nhà xưởng P-5, P-8 Lô P, Khu công nghiệp Trảng Dục, Thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Xã An Hòa, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Điện thoại: Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: HONGKONG SUN RISE TRADING LIMITED Mã số thuế: Địa chỉ: ROOM 805 WAI WAH COMMERCIAL CENTRE NO. 6 WILMER STREET SHEUNG WAN HK Điện thoại: Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Máy cắt cỏ dùng pin ion Lithium 60V, nhãn hiệu Greenwork, Model LMC420 theo invoice GVCTC231201	Cái/Chiếc	300	285,04	85.512
2	Máy cắt cỏ dùng pin ion Lithium 60V, nhãn hiệu Greenwork, Model LMC420 theo invoice GVCTC231201	Cái/Chiếc	200	285,04	57.008
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					142.520
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm hai mươi đô la Mỹ					
Tỷ giá: 24.053 VND/USD					
Người mua hàng		Người bán hàng Signature valid Ký bởi CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM) Ký ngày 14/12/2023			
Mã của cơ quan thuế: 00D01403446D6146819DDBACC6C25EB1CC Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://sinvoice.viettel.vn/tracuhoadon . Mã số bí mật: 1MXZB37EUIVIGY2					

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT số 2007

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam))

Ví dụ 2: Ngày 15/12/2023 Công ty xuất khẩu cho Công ty TNHH thương mại Hongkong Sun Rise (HONGKONG SUN RISE TRADING LIMITED) máy cắt cỏ 18 cái , máy thổi lá 638 cái ,hóa đơn GTGT số 2043 . Chưa thu tiền .

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131 : 2.071.236.384 (86.016,8)

Có TK 511 : 2.071.236.384 (86.016,8)

+Từ các chứng từ HĐ GTGT số 2043 ngày 15/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131 .Căn cứ số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 131 ,TK 511,TK 3331 ...

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

Ví dụ 3: Ngày 25/12/2023 ,Công ty bán phở liệu công nghiệp cho Công ty TNHH môi trường Sông Công theo hóa đơn GTGT số 2497 với số tiền 1.804.969.800. Chưa thanh toán

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131 : 1.804.969.800

Có TK 711 : 1.804.969.800

+ Từ các chứng từ HĐ GTGT số 2497 ngày 25/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131 .Căn cứ số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 131 ,TK 711

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng .

Ví dụ 4: Ngày 27/12/2023 ,Công ty TNHH môi trường Sông Công thanh toán tiền mua phế liệu theo hóa đơn GTGT số 2497 với số tiền là 1.804.969.800 bằng chuyển khoản .

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 1.804.969.800

Có TK 131: 1.804.969.800

+ Từ các chứng từ GBC ngày 27/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131 mở cho Công ty TNHH môi trường Sông Công sổ theo dõi TGNH. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 131, TK 112.

- Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết TK 131 - phải thu của khách hàng mở cho Công ty TNHH môi trường Sông Công để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng .

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam



GIẤY BẢO CỐ
Credit Advice

Số giao dịch <i>Transaction number</i>	:169S2370XDKBN3CC		
Ngày thực hiện <i>Transaction date</i>	:27-12-2023 09:06:25		
Tên người chuyển <i>Applicant name</i>			
Số tài khoản <i>From account number</i>	:		
Tại Ngân hàng <i>With Bank</i>	:VietinBank		
Người thụ hưởng <i>Beneficiary</i>	:CÔNG TY TNHH GREENWORKS VIET NAM		
Số tài khoản <i>To account number</i>	:113002780847		
Tại Ngân hàng <i>With Bank</i>	:16998 - CN KIEN AN - HOI SO		
Số tiền bằng số <i>Amount in figures</i>	:1,804,969,800	Loại tiền <i>Currency</i>	:VND
Số tiền bằng chữ <i>Amount in words</i>	:Một tỷ tám trăm lẻ bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm đồng /.		
Nội dung <i>Remarks</i>	:CT DEN:320109126760 CTY SONG CONG THANH TOAN TIEN HANG THEO HOA DON SO:2497 -271223-09:06:23 126760		
Kênh chuyển tiền <i>Channel</i>	:28 - SmartLink Gateway	In từ dịch vụ VietinBank eFAST <i>Date Printed</i>	:01/01/2025 16:38:01

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Biểu số 2.4 : Giấy báo có số 169S2370XDKBN3CC

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam))

CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)

Nhà xưởng P-1.1, P -1.2 Lô P-1, Nhà xưởng P-2.1 Lô P-2, Nhà xưởng P-5, P-8 Lô P, Khu công nghiệp Trảng Duệ, Thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Xã An Hòa, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2023

Ngày hạch toán	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày , tháng			Nợ	Có
			-Số phát sinh trong kỳ			
.....						
14/12/2023	HĐ 2007	14/12/2023	Công ty xuất khẩu máy cắt cỏ cho Công ty TNHH thương mại Hongkong Sun Rise theo HĐ 2007	131	3.428.033.560	
				5111		3.428.033.560
15/12/2023	HĐ 2043	15/12/2023	Công ty xuất khẩu máy cắt cỏ cho Công ty TNHH thương mại Hongkong Sun Rise theo HĐ 2043	131	2.071.236.384	
				5111		2.071.236.384
.....						
25/12/2023	HĐ 2497	25/12/2023	Công ty bán phế liệu công nghiệp cho Công ty TNHH môi trường Sông Công theo HĐ 2497	131	1.804.969.800	
				711		1.804.969.800
27/12/2023	GBC	27/12/2023	Công ty TNHH môi trường Sông Công thanh toán tiền mua phế liệu theo HĐ 2497	1121	1.804.969.800	
				131		1.804.969.800
.....						
			Cộng phát sinh		943.476.973.723	943.476.973.723

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu đồ 2.1: Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH GREENWORKS
(VIỆT NAM)

Nhà xưởng P-1.1, KCN Trảng Duệ,
Thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải,
Xã An Hòa, Huyện An Dương, Thành
phố Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2023

Tài khoản:131 - Phải thu khách hàng

Ngày,tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ		31.542.654.325	
			- Số phát sinh trong kỳ			
.....						
14/12/2023	HD 2007	14/12/2023	Công ty xuất khẩu máy cắt cỏ cho Công ty TNHH thương mại Hongkong Sun Rise	5111	3.428.033.560	
15/12/2023	HD 2043	15/12/2023	Công ty xuất khẩu máy cắt cỏ cho Công ty TNHH thương mại Hongkong Sun Rise	5111	2.071.236.384	
.....						
25/12/2023	HD 2497	25/12/2023	Công ty bán phế liệu Công nghiệp cho Công ty TNHH môi trường Sông Công theo HĐ 2497	7111	1.804.969.800	
27/12/2023	GBC	27/12/2023	Công ty Công nghiệp cho Công ty TNHH môi trường Sông Công thanh toán tiền theo HĐ 2497	1122		1.804.969.800
.....						
			- Cộng số phát sinh		203.753.664.356	211.142.676.417
			- Số dư cuối kỳ		24.153.642.264	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu đồ 2.2: Sổ cái TK131

CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)
 Nhà xưởng P-1.1, P -1.2 Lô P-1, KCN Trảng Dục, Thuộc khu kinh tế Đình
 Vũ – Cát Hải, Xã An Hòa, Huyện An Dương, TP Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số: S08-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN NGƯỜI MUA
Tài khoản 131 : Phải thu của khách hàng
Đối tượng : HONGKONG SUN RISE TRADING LIMITED
Năm 2023

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày hạch toán	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				6.523.821.451	
			-Số phát sinh trong kỳ					
.....								
14/12	HĐ 2007	14/12	Công ty xuất khẩu máy cắt cỏ cho Công ty TNHH thương mại Hongkong Sun Rise theo HĐ 2007	5111	3.428.033.560		6.044.662.528	
15/12	HĐ 2043	15/12	Công ty xuất khẩu máy cắt cỏ cho Công ty TNHH thương mại Hongkong Sun Rise theo HĐ 2043	5111	2.071.236.384		8.115.898.912	
.....								
			-Cộng phát sinh		18.392.364.358	20.654.324.672		
			-Số dư cuối kỳ				4.261.861.137	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Biểu đồ 2.3: Sổ chi tiết thanh toán người mua

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN NGƯỜI MUA**Tài khoản 131 : Phải thu của khách hàng****Đối tượng : Công ty TNHH môi trường Sông Công****Năm 2023****Đơn vị tính : VND**

Ngày hạch toán	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				2.067.389.178	
			-Số phát sinh trong kỳ					
.....								
25/12	HD 2497	25/12	Công ty phế liệu Công nghiệp cho Công ty TNHH môi trường Sông Công theo HD 2497	711	1.804.969.800		3.458.557.333	
27/12	GBC	27/12	Công ty TNHH môi trường Sông Công thanh toán tiền mua phế liệu theo HD2497	112		1.804.969.800	1.653.587.533	
			-Cộng phát sinh		13.265.823.872	13.679.625.517		
			-Số dư cuối kỳ				1.653.587.533	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Biểu đồ 2.4: Sổ chi tiết thanh toán người mua

CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)

Nhà xưởng P-1.1, P -1.2 Lô P-1, KCN Trảng Duệ, Thuộc khu kinh tế Đình

Vũ – Cát Hải, Xã An Hòa, Huyện An Dương, TP Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số: S08-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản 131 : Phải thu của khách hàng

Năm 2023

Đơn vị tính : VND

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH thương mại Hongkong Sun Rise	6.523.821.451		18.392.364.358	20.654.324.672	4.261.861.137	
2	Công ty TNHH môi trường Sông Công	2.067.389.178		13.265.823.872	13.679.625.517	1.653.587.533	
3	Công ty TNHH Proworks Việt Nam	-		4.382.698.125	5.227.472.548	-	
4	Công ty TNHH Aegis Hongkong	3.834.684.342		15.383.413.684	16.464.256.339	2.753.841.687	
.....							
	-Cộng phát sinh	31.542.654.325		203.753.664.356	211.142.676.417	24.153.642.264	

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu đồ 2.5: Bảng tổng hợp thanh toán với người mua

2.2.3 : Thực trạng trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

* Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Đơn xin thanh toán
- Hóa đơn thương mại(Giấy báo có ,Đơn đặt hàng)

*Tài khoản sử dụng:

+ Tài khoản 331: Phải trả người bán Tài khoản này được mở để theo dõi các tài khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

+ TK 156: Hàng hóa

+TK 152 : Nguyên vật liệu

*Ví dụ minh họa

- Ví dụ 1: Ngày 07/12/2023 Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190 theo hóa đơn GTGT số 12150 với số tiền 97.163.250 . Chưa thanh toán Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 152: 97.163.250

Có TK 331: 97.163.250

+ Từ các chứng từ HĐ GTGT số 12150 ngày 07/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 ,sổ chi tiết 152. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 331 ,TK 152, .

-Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán .

	CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP 190 Mã số thuế (Tax code): 0200414657 Địa chỉ (Address): Số 91 khu Cam Lộ, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Điện thoại (Tel): 02253798112 Tài khoản (A/C number): 19132274066886- Ngân Hàng Techcombank - CN Hải Phòng				
	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE) Ký hiệu (Serial): 1C23TTO Số (No.): 12150 Ngày (Date) 07 tháng (month) 12 năm (year) 2023				
Họ tên người mua hàng (Buyer): Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) Mã số thuế (Tax code): 0201920293 Địa chỉ (Address): Nhà xưởng P-1.1, P-1.2 Lô P-1, Nhà xưởng P-2.1 Lô P-2, Nhà xưởng P-5, P-8 Lô P, KCN Trảng Dũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã An Hoà, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (A/C No.):					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Thép ống hàn đen 22,0 x 1,2 x 4.175 mm	Kg	1.503	17.650	26.527.950
2	Thép ống hàn đen 22,0 x 1,2 x 4.862 mm	Kg	1.999	17.650	35.282.350
3	Thép ống hàn đen 22,0 x 1,2 x 4.648 mm	Kg	2.003	17.650	35.352.950
Cộng tiền hàng (Sub total):					97.163.250
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					97.163.250
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng chẵn					
Người mua hàng (Buyer)			Người bán hàng (Seller) Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP 190 Ký ngày: 07-12-2023		
Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 000734FFC7E9004987B1ED7A490FCF2A6E Trang tra cứu: http://0200414657hd.easyinvoice.com.vn Mã tra cứu: m6H3Y8M60858508028260810 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty cổ phần đầu tư công nghệ và thương mại SOFTDREAMS, MST: 0105987432,

Biểu số 2.5 : Hóa đơn GTGT số 12150

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam))

- Ví dụ 2: Ngày 18/12/2023 ,Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190 theo hóa đơn GTGT số 12421 với số tiền 79.989.800. Chưa thanh toán .
Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 152: 79.989.800

Có TK 331: 79.989.800

+ Từ các chứng từ HĐ GTGT số 12421 ngày 18/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 ,sổ chi tiết 152. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 331 ,TK 152, .

-Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán .



CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP 190

Mã số thuế (Tax code): 0200414657

Địa chỉ (Address): Số 91 khu Cam Lộ, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02253798112

Tài khoản (A/C number): 19132274066886- Ngân Hàng Techcombank - CN Hải Phòng

Ký hiệu (Serial): 1C23TTO

Số (No.): **12421**



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

Mã số thuế (Tax code): 0201920293

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng P-1.1, P-1.2 Lô P-1, Nhà xưởng P-2.1 Lô P-2, Nhà xưởng P-5, P-8 Lô P, KCN Trảng Dũ, thuộc khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã An Hoà, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (A/C No.):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)
1	Thép ống hàn đen 22,0 x 1,8 x 6.050 mm	Kg	1.627	17.650	28.716.550
2	Thép ống hàn đen 22,0 x 1,2 x 4.755 mm	Kg	1.001	17.650	17.667.650
3	Thép ống hàn đen 22,0 x 1,2 x 5.773 mm	Kg	1.503	17.650	26.527.950
4	Thép ống hàn đen 22,0 x 1,2 x 4.932 mm	Kg	401	17.650	7.077.650
Cộng tiền hàng (Sub total):					79.989.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	0
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					79.989.800
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): <u>Bảy mươi chín triệu chín trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng chẵn</u>					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP 190

Ký ngày: 18-12-2023

Mã của cơ quan thuế (Tax authority code): 00502C9A3942BD42B58B3F08B759A2D18E

Trang tra cứu: <http://0200414657hd.easyinvoice.com.vn> Mã tra cứu: X6G3c8w60919024189636500

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Đơn vị cung cấp giải pháp: Công ty có phân đầu tư công nghệ và thương mại SUI DREAMS, MST: 01U598/432,

Biểu số 2.6 : Hóa đơn GTGT số 12421

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam))

- Ví dụ 3: Ngày 21/12/2023 , Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190 theo hóa đơn GTGT số 12796 với số tiền 121.926.200. Chưa thanh toán Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 152: 121.926.200

Có TK 331: 121.926.200

+ Từ các chứng từ HĐ GTGT số 12796 ngày 21/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 ,sổ chi tiết 152. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 331 ,TK 152, .

-Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán .

- Ví dụ 4: Ngày 26/12/2023 , Công ty thanh toán tiền mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190 theo hóa đơn GTGT số 12796 ,12150,12421 thanh toán 50% cho mỗi hóa đơn bằng chuyển khoản .

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 331: 149.539.625

Có TK 112: 149.539.625

+ Từ các chứng từ GBN ngày 26/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 ,sổ theo dõi TGNH. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 331 ,TK 112, .

-Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán .

Ngân Hàng Công Thương Việt Nam



Ủy nhiệm chi

Payment Order

Số No _____ Ngày Date 26 / 12 / 2023

Liên 2 Copy 2

Tên đơn vị trả tiền Payer Công ty TNHH Greenworks Việt Nam

Số tài khoản Debit A/C 113002780847

Tại ngân hàng With Bank TMCP Công Thương Việt Nam - CN Kiên An

Số tiền bằng số Amount in figures

Số tiền bằng chữ Amount in words Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng

149,539,625 VNĐ

Tên đơn vị nhận tiền Payee Công ty TNHH Ống Thép 190

Tài khoản có Credit A/C 19132274066886

Tại ngân hàng With Bank Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt nam

Nội Dung Remarks Greenworks Thanh toán tiền mua nguyên liệu 12,2023 theo HD số 12796, 12150, 12421

Đơn vị trả tiền Payer

Kế toán Accountant

Ngày hạch toán Accounting date 26 / 12 / 2023

Chủ tài khoản A/C holder

Giao dịch viên Teller

Kiểm soát viên Supervisor

Biểu số 2.8 : Ủy nhiệm chi

GIẤY BÁO NỢ
Debit Advice

Số giao dịch <i>Transaction number</i>	:169A2371ANUPDZKS		
Ngày thực hiện <i>Transaction date</i>	:26-12-2023 10:45:16		
Tên người chuyển <i>Applicant name</i>	:CÔNG TY TNHH GREENWORKS VIỆT NAM		
Số tài khoản <i>From account number</i>	:113002780847		
Tại Ngân hàng <i>With Bank</i>	:16998 - CN KIẾN AN - HỒI SƠ		
Người thụ hưởng <i>Beneficiary</i>			
Số tài khoản <i>To account number</i>	:19132274066886		
Tại Ngân hàng <i>With Bank</i>			
Số tiền bằng số <i>Amount in figures</i>	:149,539,625	Loại tiền <i>Currency</i>	:VND
Số tiền bằng chữ <i>Amount in words</i>	:Một trăm bốn mươi chín triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm hai mươi năm đồng./.		
Nội dung <i>Remarks</i>	:So GD: 169A2371ANUPDZKS GREENWORKS THANH TOÁN TIỀN MUA NGUYEN LIEU 12.2023 THEO HD SO 12796,12150,12421		
Kênh chuyển tiền <i>Channel</i>	:77 - eFAST - Corporate Internet Banking	In từ dịch vụ VietinBank eFAST <i>Date Printed</i>	:01/01/2025 16:40:36

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Biểu số 2.9 : GBN số 169A2371ANUPDZKS

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam))

Ví dụ 5: Ngày 15/12/2023 , Công ty mua màng quần PE của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thịnh Vina theo hóa đơn GTGT số 183 với số tiền 113.692.000 Chưa thanh toán .

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 152: 113.692.000

Có TK 331: 113.692.000

+ Từ các chứng từ HĐ GTGT số 183 ngày 15/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 ,sổ chi tiết 152. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 331 ,TK 152, .

-Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán .

- Ví dụ 6: Ngày 26/12/2023 , Công ty thanh toán tiền mua màng quần PE của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thịnh Vina theo hóa đơn GTGT số 183, thanh toán bằng chuyển khoản .

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 331: 113.692.000

Có TK 112: 113.692.000

+ Từ các chứng từ GBN ngày 26/12 trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331 ,sổ theo dõi TGNH. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 331 ,TK 112, .

-Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán .

GIẤY BÁO NỢ
Debit Advice

Số giao dịch <i>Transaction number</i>	:169A2370XV1B276V		
Ngày thực hiện <i>Transaction date</i>	:26-12-2023 15:44:43		
Tên người chuyển <i>Applicant name</i>	:CÔNG TY TNHH GREENWORKS VIỆT NAM		
Số tài khoản <i>From account number</i>	:113002780847		
Tại Ngân hàng <i>With Bank</i>	:16998 - CN KIẾN AN - HỒI SƠ		
Người thụ hưởng <i>Beneficiary</i>			
Số tài khoản <i>To account number</i>	:19001010011620		
Tại Ngân hàng <i>With Bank</i>			
Số tiền bằng số <i>Amount in figures</i>	:113,692,000	Loại tiền <i>Currency</i>	:VND
Số tiền bằng chữ <i>Amount in words</i>	:Một trăm mười ba triệu, sáu trăm chín mươi hai đồng chẵn./.		
Nội dung <i>Remarks</i>	:Số GD: 169A2370XV1B276V GREENWORKS THANH TOÁN TIỀN MUA NGUYÊN LIỆU 12.2023 THEO HD SỐ 183		
Kênh chuyển tiền <i>Channel</i>	:77 - eFAST - Corporate Internet Banking	In từ dịch vụ VietinBank eFAST <i>Date Printed</i>	:01/01/2025 16:39:36

Lập bảng
Maker

Kiểm soát viên
Supervisor

Biểu số 2.11 : GBN 169A2370XV1B276V

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam))

Ủy nhiệm chi

Payment Order

Số No _____ Ngày Date 26 | 12 | 2023

Liên 2 Copy 2

Tên đơn vị trả tiền Payer Công ty TNHH Greenworks Việt Nam
 Số tài khoản Debit A/C 113002780847
 Tại ngân hàng With Bank TMCP Công Thương Việt Nam - CN Kiến An Số tiền bằng số Amount in figures
 Số tiền bằng chữ Amount in words Một trăm mười ba triệu, sáu trăm chín
mười hai ngàn đồng chẵn 113,692,000 VND
 Tên đơn vị nhận tiền Payee Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hưng Thịnh VINA
 Tài khoản có Credit A/C 19001010011620
 Tại ngân hàng With Bank Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt nam
 Nội Dung Remarks Greenworks Thanh toán tiền mua nguyên liệu 12,2023 theo HD số 183

Đơn vị trả tiền Payer _____ Ngày hạch toán Accounting date 26 | 12 | 2023
 Kế toán Accountant _____ Chủ tài khoản A/C holder _____ Giao dịch viên Teller _____ Kiểm soát viên Supervisor _____

Biểu số 2.12 : Ủy nhiệm chi

CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Nhà xưởng P-1.1, P -1.2 Lô P-1, Nhà xưởng P-2.1 Lô
P-2, Nhà xưởng P-5, P-8 Lô P, Khu công nghiệp Trảng
Duệ, Thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Xã An
Hòa, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt
Nam

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2023

Ngày hạch toán	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày , tháng			Nợ	Có
			-Số phát sinh trong kỳ			
.....						
07/12/2023	HĐ 12150	07/12/2023	Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190	152	121.926.200	
				331		121.926.200
.....						
15/12/2023	HĐ 183	15/12/2023	Công ty mua màng quần PE của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thịnh Vina	152	113.692.000	
				331		113.692.000
.....						
18/12/2023	HĐ 12421	18/12/2023	Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190	152	97.163.250	
				331		97.163.250
.....						
21/12/2023	HĐ 12796	21/12/2023	Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190	152	79.989.800	
				331		79.989.800
.....						
26/12/2023	GBN	26/12/2023	Công ty thanh toán tiền mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190 thanh toán 50% cho mỗi HĐ bằng TGNH	331	149.539.625	
				112		149.539.625
26/12/2023	GBN	26/12/2023	Công ty thanh toán tiền mua màng quần PE của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thịnh Vina	331	113.692.000	
				112		113.692.000
.....						
			Cộng phát sinh		943.476.973.723	943.476.973.723

Biểu đồ 2.6 : Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)
 Nhà xưởng P-1.1, P -1.2 Lô P-1, KCN Trảng Duệ, Thuộc khu kinh tế Đình Vũ –
 Cát Hải, Xã An Hòa, Huyện An Dương, TP Hải Phòng, Việt Nam

Mẫu số: S08-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2023

Tài khoản: 331 - Phải trả cho người bán

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ			19.348.753.782
			- Số phát sinh trong kỳ			
.....						
07/12/2023	HĐ 12150	07/12/2023	Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190	152		121.926.200
15/12/2023	HĐ 183	15/12/2023	Công ty mua màng quần PE của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thịnh Vina	152		113.692.000
.....						
18/12/2023	HĐ 12421	18/12/2023	Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190	152		97.163.250
.....						
21/12/2023	HĐ 12796	21/12/2023	Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190	152		79.989.800
26/12/2023	GBN	26/12/2023	Công ty thanh toán tiền mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190 thanh toán 50% cho mỗi HĐ bằng TGNH	112	149.539.625	
26/12/2023	GBN	26/12/2023	Công ty thanh toán tiền mua màng quần PE của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thịnh Vina	112	113.692.000	
			- Cộng số phát sinh		189.769.805.367	183.467.713.622
			- Số dư cuối kỳ			13.046.662.037

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu đồ 2.7 : Sổ cái TK331

CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)

Nhà xưởng P-1.1, P -1.2 Lô P-1, KCN Trảng Dục,
Thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Xã An Hòa,
Huyện An Dương, TP Hải Phòng, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN NGƯỜI BÁN

Tài khoản 331 : Phải trả cho người bán
Đối tượng : CÔNG TY TNHH ÓNG THÉP 190
Năm 2023

Đơn vị tính : VNĐ

Ngày hạch toán	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					2.423.405.433
			-Số phát sinh trong kỳ					
.....								
07/12/2023	HD 12150	07/12/2023	Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190	152		121.926.200		1.470.202.552
.....								
18/12/2023	HD 12421	18/12/2023	Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190	152		97.163.250		1.405.088.020
.....								
21/12/2023	HD 12796	21/12/2023	Công ty mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190	152		79.989.800		1.485.077.820
.....								
26/12/2023	GBN	26/12/2023	Công ty thanh toán tiền mua thép ống hàn của Công ty TNHH ống thép 190 thanh toán 50% cho mỗi HD bằng TGNH	112	149.539.625			1.172.695.302
.....								
			-Cộng phát sinh		22.711.841.355	21.584.673.782		
			-Số dư cuối kỳ					1.296.237.860

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu đồ 2.8 : Sổ chi tiết thanh toán người bán

Nhà xưởng P-1.1, P -1.2 Lô P-1, KCN Trảng
Duệ, Thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Xã
An Hòa, Huyện An Dương, TP Hải Phòng, Việt
Nam

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN NGƯỜI BÁN**Tài khoản 331 : Phải trả cho người bán****Đối tượng : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI HƯNG THỊNH VINA****Năm 2023****Đơn vị tính : VNĐ**

Ngày hạch toán	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					436.245.723
			-Số phát sinh trong kỳ					
.....								
15/12/2023	HĐ 183	15/12/2023	Công ty mua màng quần PE của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thịnh Vina	152		113.692.000		549.937.723
.....								
26/12/2023	GBN	26/12/2023	Công ty thanh toán tiền mua màng quần PE của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thịnh Vina	112	113.692.000			393.899.159
.....								
			-Cộng phát sinh		2.946.667.976	2.754.321.412		
			-Số dư cuối kỳ					243.899.159

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu đồ 2.9 : Sổ chi tiết thanh toán người bán

Nhà xưởng P-1.1, P -1.2 Lô P-1, KCN Trảng Duệ, Thuộc khu kinh tế Đình Vũ –
Cát Hải, Xã An Hòa, Huyện An Dương, TP Hải Phòng, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản 331 : Phải trả cho người bán

Đơn vị tính : VND

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hưng Thịnh Vina		436.245.723	2.946.667.976	2.754.321.412		243.899.159
2	Công ty TNHH ống thép 190		2.423.405.433	22.711.841.355	21.584.673.782		1.296.237.860
3	Công ty TNHH IT System		-	210.642.365	210.642.365		-
4	Công ty TNHH Đầu tư thương mại CNC		-	84.060.000	84.060.000		-
.....							
	-Cộng phát sinh		19.348.753.782	189.769.805.367	183.467.713.622		13.046.662.037

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu đồ 2.10 : Bảng tổng hợp thanh toán cho người bán

CHƯƠNG 3 :

MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA ,NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH GREENWORKS (VIỆT NAM)

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua ,người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

- Công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) được thực hiện theo đúng các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành. Phòng kế toán của công ty đã xây dựng được quy trình hạch toán tương đối rõ ràng, đảm bảo phản ánh kịp thời, chính xác các khoản công nợ phát sinh trong quá trình mua bán hàng hóa, dịch vụ.

*** Ưu điểm**

- Hệ thống chứng từ được sắp xếp hợp lý : các chứng từ như hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi, biên bản đối chiếu công nợ, hợp đồng mua bán... được lưu trữ cẩn thận và đối chiếu định kỳ, giúp đảm bảo tính chính xác và minh bạch trong công tác thanh toán.
- Quy trình thanh toán được xây dựng rõ ràng: Các bước từ tiếp nhận hóa đơn, kiểm tra chứng từ, lập phiếu chi, và phê duyệt thanh toán đều được phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ phận/kế toán viên, đảm bảo tính kiểm soát nội bộ.
- Quan hệ thanh toán với đối tác ổn định: Công ty luôn duy trì mối quan hệ thanh toán tốt với người bán và người mua, hạn chế xảy ra nợ khó đòi hoặc thanh toán chậm. Điều này thể hiện năng lực tài chính và uy tín trong hoạt động kinh doanh.

***Hạn chế**

- Chậm cập nhật công nợ một số trường hợp: Trong thực tế, vẫn còn tình trạng chậm cập nhật công nợ của người mua hoặc người bán, đặc biệt vào những thời điểm cuối kỳ kế toán hoặc khi phát sinh giao dịch ngoại tệ (chiết khấu, giảm giá...).
- Thiếu sự liên kết giữa bộ phận kế toán và các phòng ban khác: Đôi khi thông tin về đơn hàng, thanh toán, hoặc hóa đơn không được truyền đạt kịp thời giữa

bộ phận kế toán ,bộ phận hành chính và phòng kinh doanh/kho vận, gây khó khăn trong kiểm soát công nợ.

- Còn sử dụng thủ công ở một số khâu: Một số bước như lưu trữ chứng từ gốc, ký nhận, và phê duyệt vẫn còn làm thủ công, dẫn đến nguy cơ thất lạc, chậm trễ trong xử lý.

3.2 . Tính tất yếu của việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua,người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

- Việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài chính và duy trì sự ổn định hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt, việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán là yêu cầu tất yếu đặt ra đối với Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam), xuất phát từ những lý do sau:

- **Nâng cao hiệu quả quản lý dòng tiền :** Hoạt động thanh toán liên quan trực tiếp đến dòng tiền – yếu tố then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức kế toán thanh toán khoa học giúp công ty kiểm soát tốt công nợ, hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn, nợ xấu hoặc mất cân đối tài chính. Đồng thời, việc ghi nhận đầy đủ, chính xác các khoản phải thu, phải trả còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân tích tài chính, ra quyết định điều hành kịp thời.

- **Hạn chế rủi ro trong quản lý thanh toán :** Việc tổ chức kế toán thanh toán chưa khoa học dễ dẫn đến các rủi ro như sai lệch số liệu, thanh toán trùng lặp, chậm trễ hoặc thậm chí thất thoát tài sản. Do đó, việc hoàn thiện tổ chức kế toán là điều kiện cần thiết nhằm tăng cường kiểm soát nội bộ, phòng ngừa rủi ro tài chính, đảm bảo an toàn vốn và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.

- **Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp :**Khi công tác kế toán thanh toán được tổ chức tốt, doanh nghiệp có thể chủ động hơn trong đàm phán các điều khoản thanh toán với đối tác, tận dụng các ưu đãi chiết khấu thương mại, cải thiện dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Điều này tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững trong dài hạn.

3.3. Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua ,người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

- Từ việc đánh giá thực trạng và phân tích tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán, có thể đề xuất một số giải pháp sau nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam):

1. Chậm cập nhật công nợ

Để giải quyết vấn đề cập nhật công nợ Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) nên đề ra một số giải pháp :

-Chuẩn hóa quy trình kế toán công nợ: Ban hành quy trình xử lý công nợ từ lúc phát sinh đến khi thanh toán, trong đó quy định rõ thời gian luân chuyển chứng từ và cập nhật công nợ trên phần mềm kế toán.

-Ứng dụng phần mềm kế toán phù hợp để tích hợp sản xuất: Cho phép kết nối phân hệ bán hàng – kho – kế toán, từ đó tự động ghi nhận công nợ và giảm thiểu thao tác thủ công.

-Thiết lập cảnh báo trên hệ thống: Khi có công nợ chưa cập nhật quá 2 ngày, hệ thống sẽ gửi cảnh báo đến kế toán phụ trách. Đồng thời, công ty định kỳ đối chiếu công nợ nội bộ vào mỗi thứ Sáu hàng tuần và xác nhận công nợ khách hàng hàng quý.

-Tổ chức đào tạo định kỳ: Kế toán được tập huấn quy trình xử lý các giao dịch ngoại tệ như chiết khấu, hàng trả lại, bù trừ công nợ, để nâng cao tính chủ động và giảm thiểu sai sót.

2.Thiếu sự liên kết giữa bộ phận kế toán và các phòng ban khác

*Để khắc phục tình trạng thiếu liên kết giữa các phòng ban với nhau làm chậm trễ quá trình hạch toán và làm báo cáo tài chính công ty nên áp dụng các giải pháp sau

+ Thiết lập quy chế phối hợp liên phòng ban

-Ban hành quy chế phối hợp công việc giữa các phòng ban có liên quan đến dữ liệu kế toán. Trong đó quy định rõ:

- ✓ Loại chứng từ cần cung cấp
- ✓ Thời hạn gửi chứng từ cho kế toán

✓ Trách nhiệm của từng bộ phận

-Xây dựng luồng thông tin nội bộ giúp kế toán có thể theo dõi được tiến độ xử lý từ các phòng ban, đặc biệt với các nghiệp vụ phát sinh phức tạp như hàng khuyến mãi, bù trừ công nợ, điều chỉnh giá

+Tổ chức họp định kỳ giữa kế toán và các phòng ban

-Thiết lập lịch họp định kỳ theo tuần hoặc theo kỳ kế toán, giữa phòng kế toán và các bộ phận chức năng, nhằm:

- ✓ Rà soát tiến độ chứng từ
- ✓ Đối chiếu thông tin phát sinh trong kỳ
- ✓ Kịp thời giải quyết các giao dịch bất thường, công nợ chưa rõ ràng, hàng hóa tồn kho chưa xử lý...

+Nâng cao nhận thức và đào tạo nội bộ

-Tổ chức các buổi đào tạo nội bộ định kỳ nhằm giúp nhân sự ngoài phòng kế toán hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc cung cấp thông tin tài chính kịp thời.

-Lồng ghép tiêu chí phối hợp với kế toán vào đánh giá KPI của các bộ phận liên quan.

+Thiết lập hệ thống cảnh báo và phê duyệt nội bộ

-Phần mềm kế toán nên được cấu hình cảnh báo khi:

- ✓ Có hóa đơn bán ra chưa ghi nhận công nợ
- ✓ Có phiếu nhập xuất chưa được phê duyệt
- ✓ Có hợp đồng mua hàng chưa ghi nhận dự toán...

-Đồng thời, áp dụng luồng phê duyệt điện tử để giảm thời gian ký chứng từ thủ công, rút ngắn thời gian chuyển giao thông tin giữa các phòng ban.

3.Công ty còn thực hiện thủ công ở một số khâu

*Để giải quyết tình trạng còn thao tác thủ công trong một số nghiệp vụ kế toán, doanh nghiệp cần thực hiện các giải pháp sau:

+Tái cấu trúc quy trình kế toán theo hướng số hóa

-Rà soát toàn bộ quy trình kế toán hiện hành, xác định các khâu còn thao tác thủ công, từ đó thiết kế lại quy trình xử lý nghiệp vụ theo hướng:

- ✓ Tự động hóa nhập liệu (import chứng từ, hóa đơn, bảng kê)
- ✓ Chuẩn hóa chứng từ điện tử

✓ Kết nối liên phòng ban trên phần mềm dùng chung

+ Triển khai phần mềm kế toán tích hợp sâu và toàn diện

-Nâng cấp lên phần mềm kế toán có tính liên kết hệ thống ERP, ví dụ: SAP B1, MISA AMIS, FAST Business, Bravo...

-Phần mềm cần có khả năng liên kết trực tiếp với phân hệ bán hàng, kho, sản xuất, nhân sự – từ đó số liệu kế toán được tự động cập nhật mà không cần thao tác thủ công.

-Tích hợp chữ ký số, hóa đơn điện tử, biên lai điện tử, giảm in ấn và thao tác giấy tờ.

+ Đào tạo và thay đổi tư duy sử dụng phần mềm

-Tổ chức đào tạo nội bộ cho kế toán viên và các bộ phận liên quan về cách sử dụng hiệu quả phần mềm, tránh việc vẫn nhập tay do thói quen cũ.

-Khuyến khích đánh giá hiệu quả theo mức độ tự động hóa thay vì chỉ số lượng chứng từ xử lý.

+ Giao chỉ tiêu ứng dụng công nghệ vào đánh giá hiệu suất

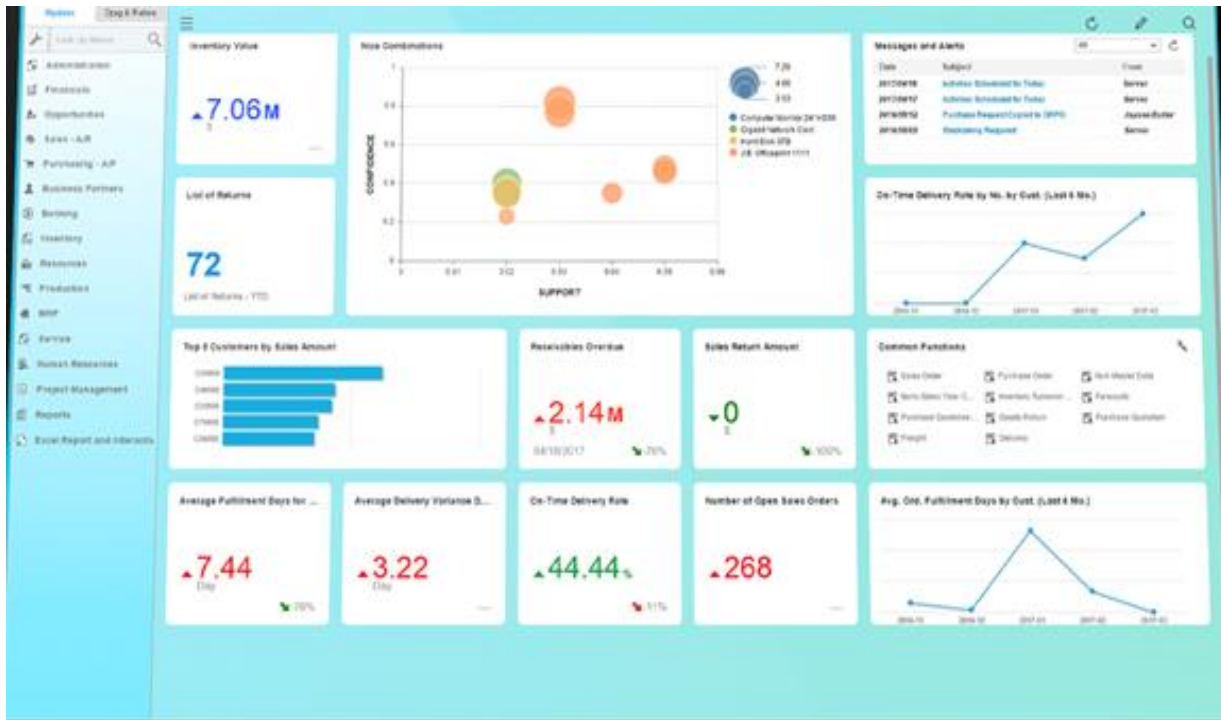
-Doanh nghiệp có thể đưa tỷ lệ tự động hóa nghiệp vụ vào tiêu chí đánh giá KPI cho bộ phận kế toán.

-Ví dụ: $\geq 80\%$ nghiệp vụ kế toán được ghi nhận tự động từ hệ thống; $\leq 10\%$ nghiệp vụ kế toán bị nhập lại thủ công.

***Công ty nên sử dụng các phần mềm kế toán**

Phần mềm kế toán được nghiên cứu và phát triển bởi những người thanh thạo IT bên cạnh đó là sự tư vấn của những người làm kế toán nên dữ liệu được tổ chức khoa học, chặt chẽ và ít hạn chế như Excel. Phần mềm kế toán có rất nhiều ưu điểm và cũng dễ sử dụng. Công ty nên sử dụng các phần mềm kế toán như :

+ Phần mềm kế toán SAP Business One



*Ưu điểm

- +Chuẩn ERP quốc tế, tích hợp toàn diện :Đảm bảo dữ liệu liên thông – đồng bộ giữa các bộ phận, không tách rời như phần mềm kế toán đơn thuần.
- +Tự động hóa quy trình kế toán – tài chính
- +Quản lý giá thành sản xuất mạnh mẽ
- +Khả năng mở rộng – đa ngôn ngữ, đa chi nhánh
- +An toàn và bảo mật cao :phân quyền người dùng chi tiết đến từng chức năng...

*Nhược điểm

- +Chi phí đầu tư ban đầu cao
- Chi phí bản quyền, triển khai, đào tạo và bảo trì tương đối cao so với các phần mềm kế toán phổ thông (như MISA, FAST).
- Phù hợp hơn với doanh nghiệp có quy mô vừa trở lên hoặc định hướng phát triển mạnh trong 2–3 năm tới.
- +Cần thời gian triển khai và đào tạo
- Quy trình triển khai ERP bài bản thường mất từ 3–6 tháng, không thể cài đặt và sử dụng ngay.
- Nhân sự kế toán và các phòng ban cần được đào tạo bài bản, dễ gây chậm tiến độ nếu không chuẩn bị kỹ.

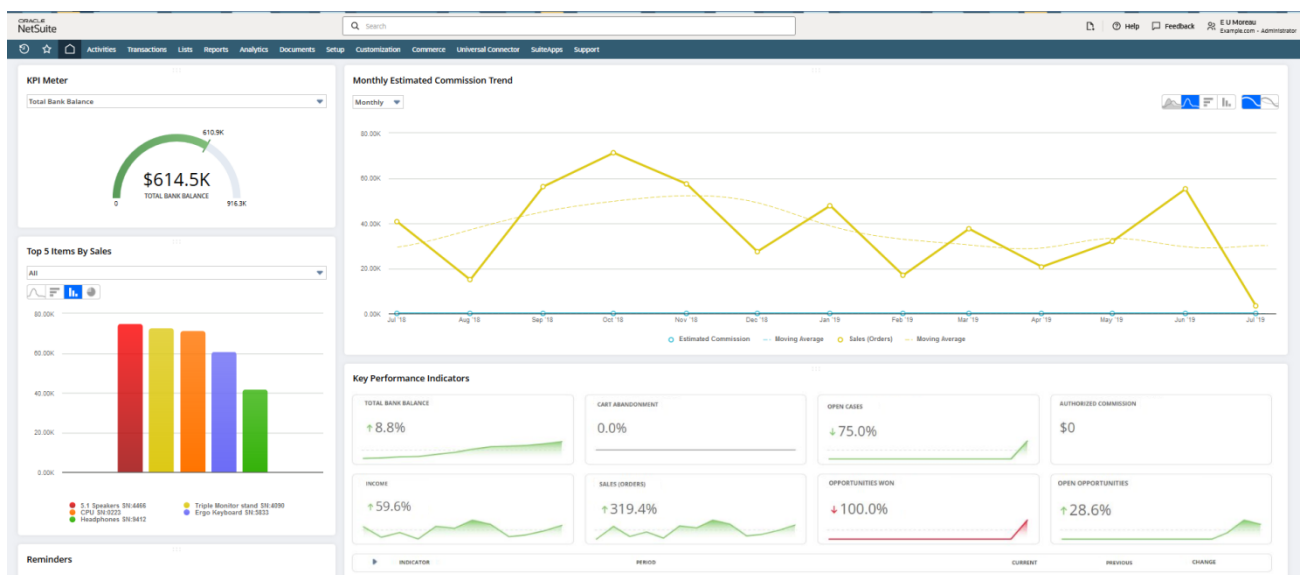
+Cần đội ngũ IT hỗ trợ

-Hệ thống yêu cầu hạ tầng công nghệ tốt và nhân sự IT nội bộ hoặc thuê ngoài để vận hành, bảo trì phần mềm.

+Chưa có nhiều nhà cung cấp nội địa mạnh

-So với phần mềm Việt Nam như MISA, FAST thì số lượng đơn vị triển khai SAP Business One tại Việt Nam còn hạn chế, phụ thuộc vào đối tác triển khai quốc tế hoặc các công ty tư vấn lớn.

***Phần mềm kế toán Oracle NetSuite**



***Ưu điểm**

+ Quản lý toàn diện, tích hợp nhiều phân hệ:Phần mềm tích hợp kế toán tổng hợp....giảm thiểu sai sót trong luân chuyển chứng từ.

+ Triển khai trên nền tảng cloud (điện toán đám mây):Cho phép nhân viên truy cập mọi lúc mọi nơi

+ Hệ thống báo cáo thời gian thực : Các báo cáo tài chính, dòng tiền, công nợ, chi phí... được cập nhật tự động theo thời gian thực, hỗ trợ nhà quản trị ra quyết định nhanh chóng và chính xác.

+ Hỗ trợ đa quốc gia, đa tiền tệ

+Tùy biến linh hoạt:NetSuite cho phép người dùng cấu hình quy trình nghiệp vụ, thêm các trường thông tin tùy chỉnh hoặc thiết kế báo cáo riêng theo nhu cầu của từng doanh nghiệp.

+Tính bảo mật và ổn định cao

*Nhược điểm

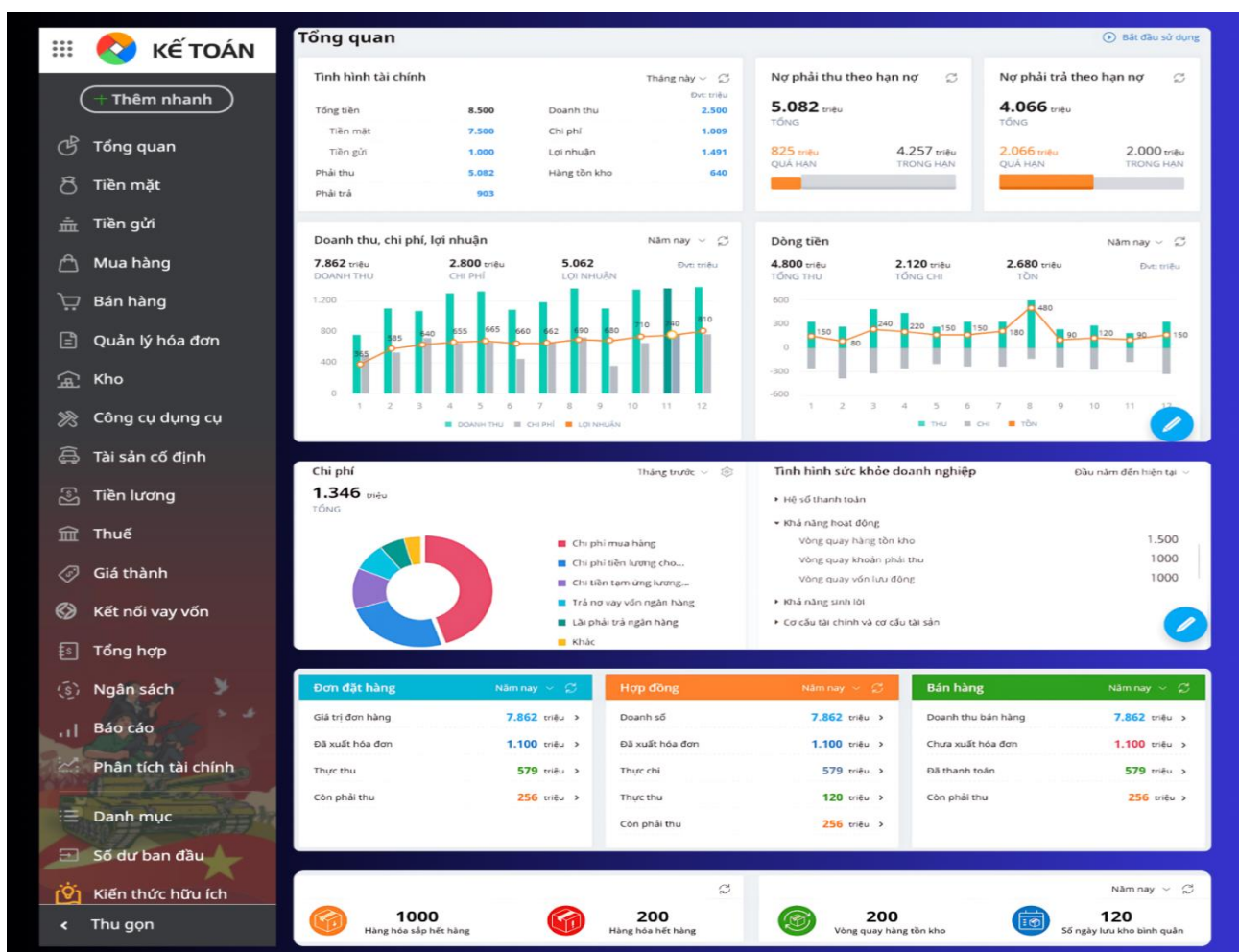
+Tốc độ xử lý phụ thuộc vào đường truyền internet

+Chi phí đầu tư cao

+Triển khai phức tạp và mất thời gian: do phần mềm nhiều chức năng nên cần thời gian đào tạo hướng dẫn triển khai hệ thống từ 3-6 tháng ,tùy vào quy mô doanh nghiệp

+Chưa hoàn toàn tương thích với chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)

* Phần mềm kế toán Misa Amis



*Ưu điểm

+ Tích hợp nhiều phân hệ trong một nền tảng : Kế toán, bán hàng, nhân sự, hóa đơn điện tử Đồng bộ dữ liệu giữa các bộ phận.

- + Kết nối dữ liệu thời gian thực: Quản lý từ xa, theo dõi số liệu tức thời từ mọi nơi qua trình duyệt hoặc ứng dụng di động.
- + Hỗ trợ quyết toán thuế và báo cáo tài chính: Có sẵn các biểu mẫu chuẩn theo Thông tư 200, 133, hỗ trợ lập báo cáo nhanh và chính xác.
- + Tính năng mở rộng và bảo mật cao: Phân quyền chi tiết theo người dùng, lưu trữ dữ liệu điện toán đám mây, sao lưu tự động, bảo mật SSL.

***Nhược điểm**

- + Yêu cầu kết nối Internet ổn định: Là phần mềm online nên nếu mạng yếu sẽ gây gián đoạn, ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc.
- + Tùy chỉnh chưa linh hoạt với các ngành đặc thù: Một số quy trình kế toán đặc thù ngành (sản xuất, xây lắp lớn, logistics) cần cấu hình thêm hoặc viết riêng báo cáo.
- + Một số tính năng nâng cao yêu cầu phí bổ sung: Ví dụ như tính năng hợp nhất báo cáo tài chính, kết nối ERP, quản lý chuỗi chi nhánh,... có thể tính phí riêng hoặc chỉ có ở gói cao cấp.

4.Lập biên bản công nợ định kỳ

Giải pháp về việc đối chiếu công nợ định kì: Đối chiếu công nợ định kì diễn ra vào cuối tháng nhằm giúp cho công ty quản lý chặt chẽ, không bỏ sót các khoản nợ đối với người mua, người bán và theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc các khoản nợ phải thu nhằm thu hồi vốn sớm nhất đồng thời có kế hoạch thanh toán các khoản nợ phải trả tránh để nợ quá hạn.

Với công nợ phải trả công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo bên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau.

Ví dụ : Lập biên bản đối chiếu công nợ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**CÔNG TY TNHH GREENWORKS
(VIỆT NAM)**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 31. tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng hóa.

- Căn cứ vào thỏa thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2023 Tại văn phòng Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam), chúng tôi gồm có:

1. Bên A (Bên mua): Công ty TNHH môi trường Sông Công

- Địa chỉ: Thôn Tân Mỹ 2, Xã Tân Quang, Thành Phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên

- Điện thoại: Fax:

- Đại diện: Chức vụ:

2. Bên B (Bên bán): Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

- Điện thoại: Fax:

- Đại diện: QUI, HAICHAO Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau đối chiếu khối lượng và giá trị cụ thể như sau:

1. Công nợ đầu kỳ: 2.067.389.178 đồng

2. Số phát sinh trong kỳ:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền
25/12/2023	2497	1.804.969.800	0	1.804.969.800
	Tổng cộng			1.804.969.800

3. Số tiền bên A đã thanh toán: 2.218.771.445 đồng

4. Kết luận: Tính đến ngày 31/12/2023 bên A phải thanh toán cho bên B số tiền là: 1.653.587.533 đồng

Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà bên B không nhận được phản hồi từ quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

*Cách thực hiện

- Gửi bảng đối chiếu công nợ cho đối tác thông qua email chính thức, trong đó thể hiện rõ:

+ Số dư đầu kỳ.

+ Các khoản phát sinh tăng/giảm trong kỳ (hóa đơn bán hàng, phiếu thu/chi, biên bản thanh toán).

+ Số dư cuối kỳ.

- Tiếp nhận phản hồi từ đối tác, đối chiếu lại với chứng từ nội bộ, điều chỉnh nếu phát hiện sai sót.

- Lập biên bản xác nhận công nợ có chữ ký và đóng dấu của cả hai bên.

- Lưu trữ biên bản đối chiếu dưới dạng bản mềm và bản cứng, phục vụ cho kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập và quyết toán thuế.

*Hiệu quả mang lại

Việc thực hiện lập biên bản công nợ định kỳ mang lại nhiều lợi ích thiết thực:

- Hạn chế sai sót và gian lận: Đối chiếu định kỳ giúp phát hiện kịp thời các sai lệch do nhập liệu sai, ghi nhận nhầm hóa đơn, hoặc thậm chí gian lận trong thanh toán.

- Tăng độ tin cậy trong quan hệ thương mại: Đối tác đánh giá cao các doanh nghiệp có quy trình đối chiếu công nợ chuyên nghiệp, từ đó nâng cao uy tín của Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) trên thị trường

- Cải thiện dòng tiền và kiểm soát thanh khoản: Việc nắm rõ số dư công nợ giúp bộ phận tài chính lập kế hoạch thu – chi chính xác hơn, hạn chế tình trạng nợ đọng kéo dài.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh nền kinh tế ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng, công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán luôn đóng vai trò quan trọng trong việc phản ánh, giám sát và kiểm soát các hoạt động kinh tế – tài chính của doanh nghiệp. Đề tài khóa luận : Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua ,người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam) đã nêu được những vấn đề cơ bản sau :

- Về mặt lý luận : Khóa luận đã trình bày Lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).

- Về mặt thực tế : Khóa luận đã phản ánh được Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam).

- Về mặt giải pháp : Khóa luận đã nêu ra một số giải pháp để hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam)

Do thời gian thực tập có hạn, kiến thức bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo. Cuối cùng, em xin chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc, các anh chị trong Phòng kế toán đã tận tình giúp đỡ, cung cấp số liệu cho bài viết này. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến cô giáo hướng dẫn Ths.Phạm Thị Kim Oanh – người đã trực tiếp chỉ bảo, hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

Sinh viên

Nguyễn Thu Hiền

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính , Thông tư TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 - hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Ngô Thế Chi & Trương Thị Thủy (2013), Giáo trình kế toán tài chính, NXB Thống kê.
3. Công ty TNHH Greenworks (Việt Nam): Tài liệu, sổ sách kế toán năm 2023.
4. Các tài liệu trên internet